

TCVN

TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

TCVN 12269:2018

Xuất bản lần 1

BIỂN CHỈ DẪN ĐƯỜNG SẮT ĐÔ THỊ

Guidance signs for urban railways

HÀ NỘI - 2018

Mục lục

1 Phạm vi áp dụng.....	5
2 Tài liệu viện dẫn	5
3 Thuật ngữ, định nghĩa.....	6
4 Chức năng, yêu cầu đối với biển chỉ dẫn	6
5 Quy định chung đối với biển chỉ dẫn	7
6 Quy định về kích thước và kiểu chữ trên biển chỉ dẫn đường sắt đô thị.....	7
7 Màu sắc của biển chỉ dẫn	10
8 Kiểu chữ và số.....	12
9 Ký hiệu mũi tên trên biển chỉ dẫn	12
10 Các biểu tượng thông tin công cộng	12
11 Các biểu tượng cảnh báo và cứu hộ.....	14
12 Các biểu tượng cấm	14
13 Các biểu tượng hiệu lệnh bắt buộc thực hiện.....	15
14 Biểu tượng chỉ dẫn hướng lối thoát hiểm	15
15 Hệ thống biển chỉ thông tin tiện ích	16
16 Các khu vực bố trí lắp đặt biển chỉ dẫn đường sắt đô thị	20
Phụ lục A (Quy định): Vị trí lắp đặt.....	44
Phụ lục B (Quy định): Chiều cao lắp đặt	54
Phụ lục C (Quy định): Hướng dẫn bố trí, lắp đặt biển quảng cáo	60
Phụ lục D (Quy định): Các từ viết tắt.....	63
Phụ lục E (Quy định): Kích thước và bố trí biển chỉ dẫn.....	65
Phụ lục G (Quy định): Phân loại biển báo theo cấp ưu tiên của thông tin.....	82

Lời nói đầu

Tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về biển chỉ dẫn đường sắt đô thị TCVN 12269:2018 do Ban soạn thảo được thành lập theo Quyết định số 921/QĐ-BGTVT ngày 28 tháng 3 năm 2016 của Bộ Giao thông vận tải biên soạn, Bộ Giao thông vận tải đề nghị, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

BIỂN CHỈ DẪN ĐƯỜNG SẮT ĐÔ THỊ**Guidance Signs For Urban Railways****1 Phạm vi áp dụng**

Tiêu chuẩn này quy định về biển chỉ dẫn cho đường sắt đô thị, bao gồm biển chỉ dẫn đặt bên ngoài nhà ga, trong khu vực sảnh chờ soát vé, tại khu vực cổng soát vé, trong khu vực sảnh chờ sau soát vé, trên khu vực ke ga và trên tàu.

Tiêu chuẩn này không quy định biển chỉ dẫn điện tử đặt trong phạm vi nhà ga đường sắt đô thị và trên tàu.

2 Tài liệu viện dẫn

Các tài liệu viện dẫn sau đây là cần thiết để áp dụng tiêu chuẩn này. Đối với các tài liệu viện dẫn ghi năm công bố thì áp dụng bản được nêu. Đối với các tài liệu viện dẫn không ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản mới nhất, bao gồm cả các sửa đổi, bổ sung (nếu có).

TCVN 7887:2008: Màng phản quang dùng cho biển báo hiệu đường bộ.

TCVN 8092:2009: Ký hiệu đồ họa – Màu sắc an toàn và biển báo an toàn – Biển báo an toàn sử dụng ở nơi làm việc và nơi công cộng;

ISO 7001:2003: Graphical symbols – Safety colours and safety signs – Safety used in workplaces and public areas;

JIS Z8210: 2002: Biểu tượng thông tin công cộng;

ASTM E84: Vật liệu xây dựng, các tính năng đốt cháy bề mặt, thiết bị kiểm tra.

ASTM E2072-00: Standard Specification for Photoluminescent (Phosphorescent) Safety Markings - Tiêu chuẩn kỹ thuật cho các dấu hiệu phát quang an toàn (Phosphorescent)

3 Thuật ngữ và định nghĩa

Trong tiêu chuẩn này, áp dụng các thuật ngữ và định nghĩa sau:

3.1 Đường sắt đô thị bao gồm đường tàu điện ngầm, đường tàu điện trên cao, đường sắt một ray tự động dẫn hướng và đường xe điện bánh sắt.

3.2 Tuyến đường sắt đô thị là một tuyến trong mạng lưới đường sắt đô thị, có điểm đầu và điểm cuối, được ký hiệu dưới dạng chữ và số (sau đây gọi tắt là tuyến).

3.3 Nhà ga là nơi tàu dừng, đỗ, đón, trả hành khách; cung cấp các dịch vụ, tiện ích cần thiết cho hành khách đi tàu và lắp đặt các thiết bị, máy móc vận hành chạy tàu.

3.4 Ke ga là công trình đường sắt trong ga để phục vụ hành khách lên, xuống tàu.

3.5 Bảng giờ tàu là bảng thông tin về thời gian mở tuyến, thời gian đóng tuyến và giờ tàu đến và đi tại các nhà ga trong ngày.

3.6 Biển chỉ dẫn đường sắt đô thị là các chỉ dẫn nhằm cung cấp thông tin cần thiết và tiện ích cho hành khách đi tàu để di chuyển đến địa điểm mong muốn.

3.7 Tầm nhìn là khoảng cách quan sát thích hợp mà hành khách có thể tiếp cận được để nắm bắt được thông tin trên biển chỉ dẫn đường sắt đô thị.

4 Quy định chung về biển chỉ dẫn

4.1 Biển chỉ dẫn đường sắt đô thị cung cấp thông tin đầy đủ, ngắn gọn, chính xác cho hành khách đi tàu để di chuyển đến địa điểm mong muốn.

Bao gồm: Biển chỉ dẫn biểu tượng đường sắt đô thị, Biển chỉ dẫn tên ga, Biển chỉ dẫn cửa vào/ra ga, Biển chỉ dẫn cổng soát vé, Biển chỉ dẫn mạng đường sắt đô thị, Biển chỉ dẫn tên tuyến và hướng tuyến; Biển chỉ dẫn địa điểm, hướng đi và thời gian đến các ga trên tuyến đường sắt đô thị; Biển chỉ dẫn lối lên ke ga, lối ra, chỗ bán vé và soát vé lên tàu; Biển chỉ dẫn thông tin tiện ích,.....

4.2 Biển chỉ dẫn đáp ứng được các yêu cầu cơ bản sau:

- a) Làm bằng vật liệu nhẹ, đảm bảo độ bền cao; dễ vệ sinh và bảo dưỡng; có tính thẩm mỹ;
- b) Nội dung ghi trên biển chỉ dẫn ngắn gọn, đơn giản, dễ hiểu; ưu tiên sử dụng các ký hiệu, số hiệu và Hình minh họa theo thông lệ quốc tế;
- c) Dễ tiếp cận và dễ hiểu cho hành khách;
- d) Sử dụng hình ảnh, màu sắc khác biệt, có độ tương phản cao để dễ phân biệt và gây

chú ý;

e) Kích cỡ chữ viết, chữ số và ký hiệu và màu sắc phải đảm bảo để hành khách nhìn rõ và nắm bắt được nội dung.

5 Quy định chung về nội dung trên biển chỉ dẫn

5.1 Nội dung biển chỉ dẫn đường sắt đô thị được tổ hợp từ một hoặc nhiều thông tin sau: địa điểm, ký hiệu, biểu tượng, mũi tên chỉ hướng, chữ viết, chữ số, Hình minh họa.

5.2 Trình bày nội dung biển chỉ dẫn được thực hiện theo quy tắc sau đây:

- a) Địa điểm, tên tuyến đường sắt đô thị, được viết bằng chữ thường;
- b) Trên biển chỉ dẫn, không ghi quá hai tên điểm đến hoặc tên tuyến đường trên cùng một biển chỉ dẫn thông báo trước hoặc trên biển chỉ dẫn chỉ lối ra;
- c) Trên biển chỉ dẫn, không viết quá hai hàng chữ tiếng Việt;
- d) Biển chỉ dẫn đường sắt đô thị gồm hai thứ tiếng: tiếng Việt và tiếng Anh.

5.3 Các chỉ dẫn viết tắt bằng tiếng Việt và tiếng Anh ghi trên các biển chỉ dẫn được hướng dẫn tại Phụ lục A.

5.4 Phân cấp biển chỉ dẫn là để tạo ra một hệ thống biển chỉ dẫn dễ hiểu, các biển chỉ dẫn được phân thành 5 cấp độ ưu tiên dựa vào chức năng của chúng. Phân cấp biển chỉ dẫn được quy định tại Phụ lục G.

Chú thích : Tên ga, biểu tượng đường sắt đô thị của các thành phố được nêu trong các biển chỉ dẫn của tiêu chuẩn này chỉ có tính chất minh họa làm ví dụ. Tên ga và biểu tượng đường sắt đô thị cụ thể do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

6 Quy định về kích thước và kiểu chữ trên biển chỉ dẫn đường sắt đô thị

6.1 Các nội dung ghi trên biển chỉ dẫn trên đường sắt đô thị sử dụng kiểu chữ tiêu chuẩn “gt2 – Kiểu chữ thường”.

6.2 Nguyên tắc bố trí nội dung biển chỉ dẫn quy định như sau:

- a) Nội dung viết trên bảng chỉ dẫn được viết bằng tiếng Việt và tiếng Anh; tiếng Việt – dòng trên, tiếng Anh – dòng dưới;
- b) Khoảng cách giữa dòng chữ tiếng Việt và dòng chữ tiếng Anh bằng 0,5 lần chiều cao chữ in hoa tiếng Việt;

- c) Khoảng cách giữa dòng chữ tiếng Anh đến dòng chữ tiếng Việt tiếp theo bằng 0,5 lần chiều cao chữ in hoa tiếng Việt;
- d) Khoảng trống ở phía trên, phía dưới biển chỉ dẫn có kích thước bằng chiều cao chữ tiếng Việt lớn nhất trong biển chỉ dẫn;
- e) Khoảng trống ở phía bên trái và bên phải biển chỉ dẫn (của dòng dài nhất) có kích thước bằng chiều cao của chữ tiếng Việt lớn nhất trong biển;
- f) Dòng chữ trên biển chỉ dẫn được bố trí căn chính giữa theo chiều ngang của biển chỉ dẫn. Khi bố trí biểu tượng, sơ đồ nút giao, dòng chữ trên biển chỉ dẫn được bố trí sao cho phù hợp, tuân thủ theo quy định tại các phụ lục của Tiêu chuẩn này.

6.3 Chiều cao chữ viết được quy định theo tầm nhìn của hành khách (xem Bảng 1). Chiều cao chữ viết được xác định bởi chiều cao của chữ in hoa tiếng Việt (Hình 1).

Bảng 1: Quy định về chiều cao chữ viết trên biển chỉ dẫn

Tầm nhìn, m	40	30	20	10	4 ~ 5	1 ~ 2
Chiều cao chữ, mm	≥ 120	≥ 90	≥ 60	≥ 30	≥ 15	≥ 7



Hình 1: Xác định chiều cao chữ

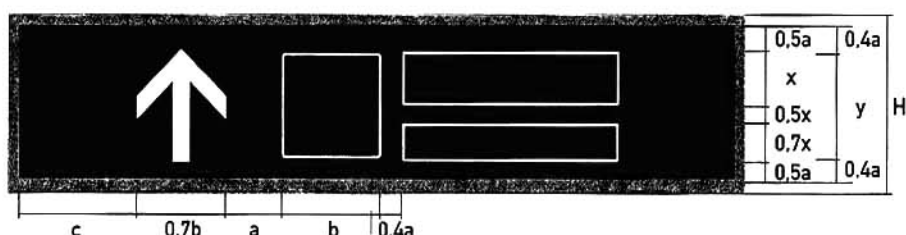
6.4 Khoảng cách giữa các dòng chữ các dòng chữ

- a) Chiều cao chữ tỉ lệ 10:7 sẽ được sử dụng cho tiếng Việt và tiếng Anh để tất cả hành khách dễ dàng và thuận tiện nhận biết. Cỡ chữ cơ bản được xác định theo chiều cao biển chỉ dẫn.
- b) Đối với hai dòng chữ có kích thước bằng nhau, khoảng cách của hai dòng chữ sẽ là 0,8 chiều cao lớn nhất.

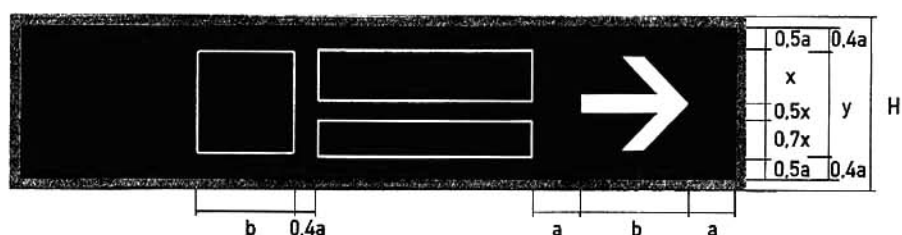


Hình 1: Xác định khoảng cách giữa các dòng chữ

6.5 Bố cục cơ bản và chiều cao chữ như sau: Quy ước các đơn vị khoảng cách bằng các chữ cái, cách chọn khoảng cách, cụ thể chỉ dẫn như các Hình 3, 4, 5 và Bảng 2:



Hình 3: Bố cục và kích thước chữ



Hình 4:



Hình 5:

- Quy ước chiều cao chữ tiếng Việt là x , chiều cao chữ tiếng Anh là $0,7x$ và khoảng cách giữa dòng chữ tiếng Việt với dòng chữ tiếng Anh là $0,5x$
- Quy ước chiều cao của ký hiệu là y ;
- Quy ước khoảng cách giữa các ký hiệu a , khoảng cách giữa ký hiệu tới các dòng chữ liền kề là $0,4a$; khoảng cách căn lề trên, lề dưới là $0,5a$ và khoảng cách giữa.... là $0,4a$;
- Quy ước khoảng cách căn lề hai bên là c
- Quy ước chiều cao của biển hiệu là H

f) Mũi tên chỉ trái/phải: Căn lề trái/căn lề phải

g) Mũi tên chỉ thẳng/không mũi tên: Căn lề giữa

Bảng 2: Các kích thước chữ và khoảng cách giữa các dòng

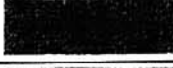
Chiều cao biển chỉ dẫn, (H) mm	Chiều cao chữ tiếng Việt, mm	Khoảng cách, (0.5a)	Chiều cao chữ tiếng Anh (0.7a)	Chiều cao mũi tên, biểu đồ (b)	Tầm nhìn, m
500	130	65	91	300	< 40
400	110	55	77	240	< 35
300	90	45	63	200	< 30

Chú thích: Quy định kiểu chữ tại QCVN 41:2016/BGTVT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ;

7 Màu sắc và vật liệu của biển chỉ dẫn

7.1 Màu của các loại biển chỉ dẫn cơ bản sẽ sử dụng tương ứng với các màu sau (xem Bảng 3):

Bảng 3: Các màu tương ứng với các loại biển chỉ dẫn

Loại biển chỉ dẫn	Màu	Mã màu	Bảng màu
Biển chỉ dẫn ke ga, hướng tàu; Biển chỉ dẫn thông tin chung	Xanh dương đậm	PANTONE 2736 C	
Biển chỉ dẫn lối ra; Biển cảnh báo	Vàng	PANTONE 116 C	
Nhà vệ sinh nam	Xanh dương nhạt	PANTONE 300 C	
Nhà vệ sinh nữ	Hồng	PANTONE 206 C	
Biển cấm	Đỏ	PANTONE 186 C	
Biển báo an toàn	Xanh lá cây	PANTONE 348 C	
Biểu đồ bắt buộc	Xanh dương	PANTONE 287 C	
Tên ga trước	Xám nhạt	PANTONE Warm Gray 7 C	
Chữ, số	Đen	PANTONE Black C	

7.2 Vật liệu của biển chỉ dẫn

- Đối với vật liệu nền biển xuyên sáng cần đáp ứng các tiêu chí sau:
 - o Độ dày vật liệu 0.08 ~ 0.11 mm, bề mặt mờ, màu sắc rõ ràng
 - o Bề mặt mờ loại bỏ ánh sáng chói và ánh sáng truyền qua đảm bảo màu sắc đồng nhất
 - o Đáp ứng tiêu chuẩn chống cháy ASTM E84 cho phương tiện công cộng,
 - o Độ bền vật liệu tối thiểu 5 năm.
- Đối với vật liệu nền biển không xuyên sáng cần đáp ứng các tiêu chí sau:
 - o Bảo vệ môi trường (Không PVC, không kim loại nặng).
 - o Đáp ứng tiêu chuẩn chống cháy ASTM E84 cho phương tiện công cộng,
 - o Vật liệu có khả năng dễ dàng định vị khi thi công, rãnh thoát khí siêu nhỏ giúp không để lại bọt khí sau khi thi công và dễ dàng tháo bỏ mà không để lại keo, không ảnh hưởng đến bề mặt sơn.
 - o Độ bền vật liệu tối thiểu 5 năm.
- Đối với vật liệu phản quang
 - o Đáp ứng loại XI theo TCVN 7887
- Đối với vật liệu dạ quang cho biển thoát khẩn cấp
 - o Đáp ứng tiêu chuẩn ASTM E2072-00 cho tòa nhà.
 - o Có khả năng phát sáng trong điều kiện ánh sáng mờ cho biển báo và dẫn hướng
 - o Độ bền vật liệu tối thiểu 5 năm.

8 Kiểu chữ và số

8.1 Biển chỉ dẫn đường sắt đô thị gồm hai thứ tiếng: tiếng Việt và tiếng Anh. Chiều cao tối thiểu chữ tiếng Việt và chữ tiếng Anh được quy định trong Bảng 2.

8.2 Kiểu chữ được sử dụng trong hệ thống biển chỉ dẫn đường sắt đô thị là kiểu chữ gt2.

9 Ký hiệu mũi tên trên biển chỉ dẫn

Mũi tên cơ bản được sử dụng để hành khách có thể hiểu một cách trực quan, phụ thuộc vào hướng cần chỉ dẫn để bố trí mũi tên cho phù hợp (Hình 6).

			
1) Đi thẳng	2) Đi xuống	3) Hướng trái	4) Hướng phải
			
5) Lên bên trái	6) Lên bên phải	7) Xuống bên trái	8) Xuống bên phải

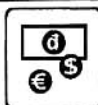
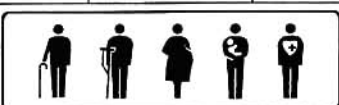
Hình 6: Các mũi tên

Ngoài ra, có thể dùng các loại mũi tên khác để hướng dẫn hành khách ở các đoạn tuyến phức tạp. Tuy nhiên, chỉ sử dụng hạn chế vì có thể gây nhầm lẫn khi có nhiều hơn một lựa chọn tuyến hoặc chuyển tầng. Nếu các mũi tên này cần được sử dụng, nhà thiết kế biển báo cần cân nhắc lựa chọn.

10 Các biểu tượng thông tin công cộng

Được quy định tại TCVN 8092:2009: theo Hình 7:

					
1) Hỏi và đáp	2) Thông tin	2) Đường sắt, nhà ga	3) Xe buýt, trạm xe buýt	4) Xe Taxi, điểm đón Taxi	5) Xe buýt, xe Taxi
					
6) Xe đạp	7) Khu vực đỗ xe	8) Nhà vệ sinh	9) Nam	10) Nữ	11) Tiện ích cho người khuyết tật
					
12) Khu vực chăm sóc trẻ sơ sinh	13) Dành cho người khuyết tật hậu môn	14) Bàn thay tã cho trẻ em	15) Ghế trẻ em	16) Thang máy	17) Thang cuốn
					
18) Cầu thang bộ	17) Sơ cứu	18) Cảnh sát	19) Thùng rác	20) Nhà hàng	21) Cửa hàng cà phê

					
22) Cửa hàng mua sắm	23) Nơi bán vé, điều chỉnh vé	24) Quầy tiếp tân	25) Khu vực hút thuốc	26) Hành lý thất lạc	27) Tủ đựng đồ
					
28) Phòng chờ	29) Điểm đón tiếp	30) Điện thoại	31) Liên lạc nội bộ	32) Tiện ích dành cho người cao tuổi	33) Tiện ích dành cho người bị chấn thương
					
34) Tiện ích dành cho phụ nữ mang thai	35) Tiện ích dành cho người có trẻ em đi cùng	36) Tiện ích dành cho người có bệnh nội khoa	37) Ghế ngồi dành cho người cao tuổi	38) Ghế ngồi dành cho người bị chấn thương	39) Ghế ngồi dành cho phụ nữ mang thai
					
40) Ghế ngồi ưu tiên dành cho người có trẻ em đi cùng	41) Ghế ngồi ưu tiên dành cho người có bệnh nội khoa	42) Nơi gửi hành lý	43) Ngân hàng, nơi đổi tiền	44) Nơi thu sản phẩm tái sinh	45) Dốc lên cho xe lăn
					
46) Thang cuốn đi xuống	47) Thang cuốn đi lên	48) Hiệu thuốc		49) Nơi bán báo, tạp chí	50) Nơi uống nước
					
51) Thành phần cơ bản của biển báo			52) Thành phần cơ bản của biển báo		

Hình 7: Các biểu tượng thông tin công cộng

Chú thích: Các biểu tượng này được quy định tại TCVN 8092:2009

11 Các biểu tượng cảnh báo và cứu hộ: Được quy định tại Hình 8.

					
1) Cảnh báo nguy hiểm	2) Cảnh báo chướng ngại vật	3) Cảnh báo đường lên không bằng phẳng	4) Cảnh báo đường xuống không bằng phẳng	5) Cảnh báo bề mặt trơn trượt	6) Cảnh báo té ngã
					
7) Cảnh báo điện giật	8) Cảnh báo va chạm đầu	9) Cảnh báo kẹt tay	10) khe hở giữa ke ga và cửa tàu	11) Bình cứu hỏa	12) Điện thoại khẩn cấp
					
13) Nút gọi khẩn cấp					

Hình 8: Các biểu tượng cảnh báo cứu hộ

12 Các biểu tượng cấm: Xem Hình 9

					
1) Biển cấm chung	1) Cấm hút thuốc	3) Cấm lửa	4) Cấm vào	5) Cấm đỗ xe	6) Cấm xe đạp
					
7) Không phận sự miễn vào	8) Cấm chạy	9) Cấm leo vào	10) Cấm dựa vào cửa	11) Cấm chạm vào	12) Cấm xả rác
					
13) Cấm sử dụng điện thoại di động	14) Cấm chụp ảnh	15) Cấm sử dụng xe đẩy	16) Cấm ăn uống ở đây	17) Cấm thả rong vật nuôi	18) Nước không uống được

Hình 9: các biểu tượng cảnh báo cứu hộ

13 Các biểu tượng hiệu lệnh bắt buộc thực hiện: (Xem Hình 10)



Hình 10: Các biểu tượng hiệu lệnh bắt buộc

14 Biểu tượng chỉ dẫn hướng lối thoát hiểm:

Các biểu tượng chỉ dẫn hướng thoát hiểm xem Hình 11. Phụ thuộc vào vị trí lối thoát hiểm mà đặt biển chỉ dẫn lối thoát hiểm cho phù hợp. Trong trường hợp cần thiết có thể sử dụng bổ sung biển chỉ dẫn điện tử và các loại biển chỉ dẫn khác nhằm hướng dẫn hành khách đến lối thoát hiểm nhanh nhất khi xảy ra sự cố như cháy, nổ, động đất.



Hình 11: Các biểu tượng chỉ dẫn thoát hiểm

15 Hệ thống biển chỉ thông tin tiện ích

Hệ thống biển chỉ thông tin tiện ích bao gồm nhưng không giới hạn các biển chỉ dẫn sau:

- Biển chỉ dẫn khu vệ sinh;
- Biển chỉ dẫn thông tin;
- Biển chỉ dẫn nơi sơ cứu;

- d) Biển chỉ dẫn nơi đặt thiết bị cứu hỏa;
- e) Biển chỉ dẫn nơi tìm hành lý thất lạc;
- f) Các biển chỉ dẫn hành vi nghiêm cấm;
- g) Biển chỉ dẫn nhà hàng;
- h) Biển chỉ dẫn số điện thoại khẩn cấp;
- i) Biển chỉ dẫn khu vệ sinh.

Kích thước hình học và bố cục các biển chỉ dẫn thông tin tiện tích nêu tại mục 7 của Phụ lục 5.

15.1 Biển chỉ dẫn đến khu vệ sinh

Dùng để chỉ dẫn cho hành khách biết tiếp cận khu vệ sinh.

- a) Biển chỉ dẫn hướng đến khu vệ sinh: (Xem Hình 12)



Hình 12: Biển chỉ dẫn hướng đến khu vệ sinh (kiểu tay vịn)

- b) Biển chỉ dẫn nhà vệ sinh kiểu tay vịn: (Xem Hình 13)



Hình 13: Biển chỉ dẫn hướng nhà vệ sinh (kiểu tay vịn)

- c) Biển chỉ dẫn nhà vệ sinh dùng cho người khuyết tật kiểu gắn tường: loại biển chỉ dẫn này dùng để hỗ trợ cho người khuyết tật tiếp cận đến nhà vệ sinh, trên biển chỉ dẫn có in chữ nổi để người khuyết tật có thể nhận biết (Xem Hình 14)

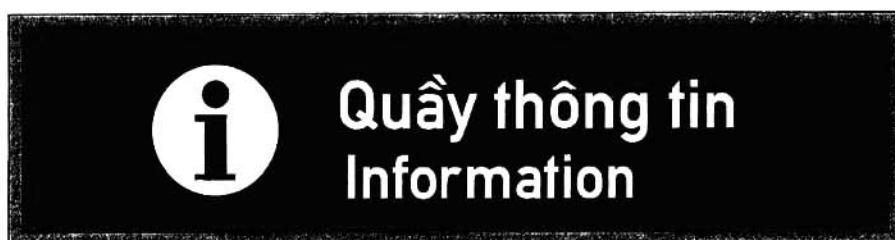


Hình 14: Biển chỉ dẫn nhà vệ sinh
dùng cho người khiếm thị (kiểu gắn tường)

15.2 Biển chỉ dẫn thông tin

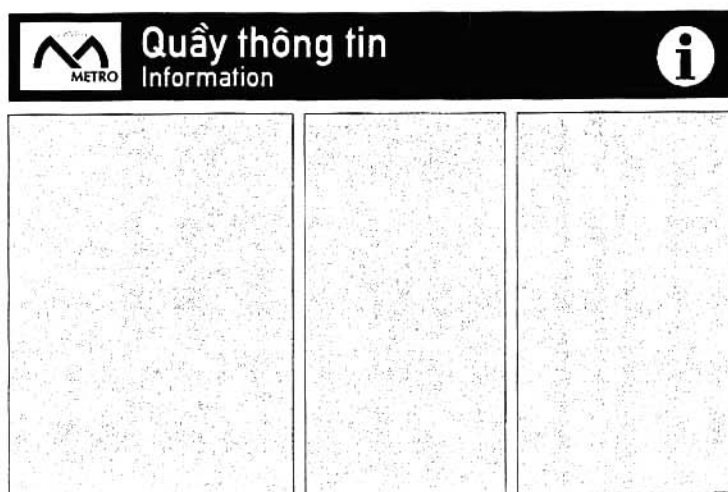
Dùng để chỉ dẫn cho hành khách tiếp cận đến nơi cung cấp thông tin liên quan đến hành trình.

a) Biển chỉ dẫn quầy thông tin: (Xem Hình 15)



Hình 15: Biển chỉ dẫn quầy thông tin (kiểu tay vịn)

b) Biển chỉ dẫn quầy thông tin: (Xem Hình 16)



Hình 16: Biển chỉ dẫn quầy thông tin

15.3 Biển chỉ dẫn nơi sơ cứu

Dùng để chỉ dẫn cho hành khách tiếp cận đến nơi được hỗ trợ sơ cứu: (Xem Hình 17)



Hình 17: Biển chỉ dẫn nơi sơ cứu

15.4 Biển chỉ dẫn nơi tìm hành lý thất lạc

Dùng để chỉ dẫn cho hành khách tiếp cận đến nơi hỗ trợ tìm hành lý bị thất lạc (Xem Hình 18).



Hình 18: Biển chỉ dẫn nơi tìm hành lý thất lạc

15.5 Biển chỉ dẫn nhà hàng

Dùng để chỉ dẫn cho hành khách tiếp cận đến nhà hàng ăn uống: (Xem Hình 19)



Hình 19: Biển chỉ dẫn nhà hàng

15.6 Biển chỉ dẫn số điện thoại khẩn cấp (Xem Hình 20)



Hình 20: Biển chỉ dẫn số điện thoại khẩn cấp

15.7 Biển chỉ dẫn khu vực dành cho nhân viên: (Xem Hình 21)

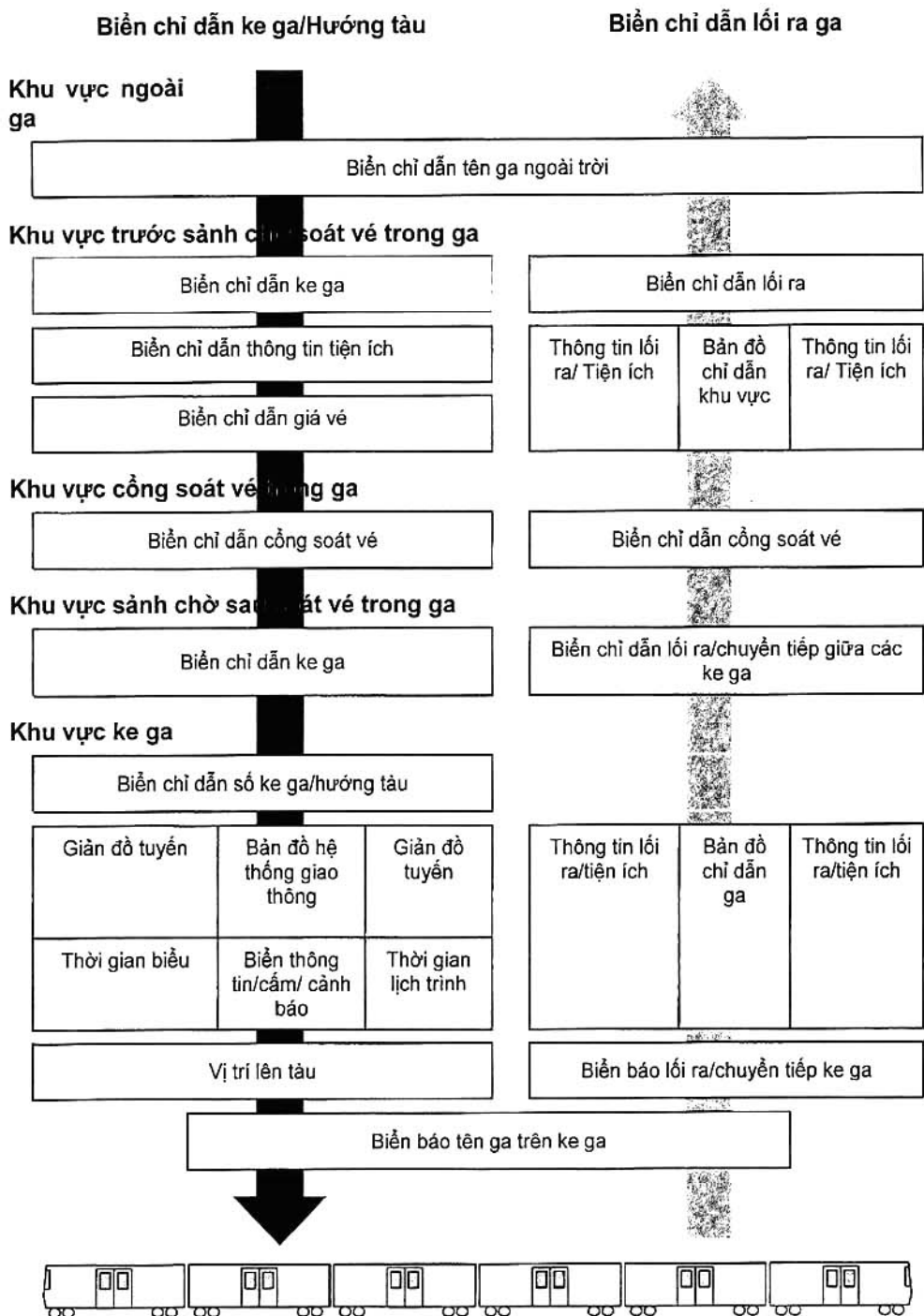


Hình 21: Biển chỉ dẫn khu vực dành cho nhân viên

16 Các khu vực bố trí lắp đặt biển chỉ dẫn đường sắt đô thị

Biển chỉ dẫn đường sắt đô thị được bố trí, lắp đặt theo các khu vực khác nhau (xem Hình 22), bao gồm:

- a) Khu vực ngoài ga;
- b) Khu vực sảnh chờ soát vé trong ga;
- c) Khu vực cổng soát vé trong ga;
- d) Khu vực sảnh chờ sau soát vé trong ga;
- e) Khu vực ke ga;
- f) Trên tàu;



Hình 22: Sơ đồ tổng thể bố trí biển chỉ dẫn theo khu vực

16.1 Khu vực ngoài ga

Tại Khu vực ngoài ga, hệ thống biển chỉ dẫn bao gồm nhưng không giới hạn các biển chỉ dẫn cơ bản sau:

- a) Biểu tượng và ký hiệu đường sắt đô thị;
- b) Biển chỉ dẫn đến ga;
- c) Biển chỉ dẫn tên ga và tên cửa vào ga;
- d) Biển chỉ dẫn tên tuyến và số thứ tự ga;
- e) Biển chỉ dẫn mạng đường sắt đô thị;
- f) Các biển chỉ dẫn thông tin tiện ích và các biểu tượng phù hợp với các hạng mục kỹ thuật, công trình và các nhu cầu chỉ dẫn khác trong khu vực.

Chú thích: Hướng dẫn bố trí các biển chỉ dẫn tại khu vực này xem tại Phụ lục A.

16.1.1 Biểu tượng và ký hiệu đường sắt đô thị:

- a) Biểu tượng đường sắt đô thị do cơ quan có thẩm quyền của các thành phố quy định và được đặt ở những nơi dễ nhìn thấy nhất bên ngoài, lân cận xung quanh hoặc tại vị trí cửa vào ga, kết hợp với hệ thống chiếu sáng để hành khách dễ dàng nhìn thấy cả ban ngày và ban đêm (các ví dụ về biểu tượng xem các Hình 23 và 24). Bố cục và các kích thước biểu tượng xem trong Phụ lục E.



Hình 23: Ví dụ về biểu tượng đường sắt đô thị

Biểu tượng đường sắt đô thị có thể bố trí, lắp đặt bằng nhiều cách khác, như là đứng độc lập, gắn tường, treo trên cần tay vịn. Vị trí lắp đặt, phương pháp, loại chiếu sáng và kích thước sẽ được cân nhắc sao cho phù hợp với điều kiện xung quanh. Có thể lắp đặt biểu tượng đường sắt đô thị như các Hình 24, 25, 26 và 27:



Hình 24: Kiểu cầm tay vịn



Hình 25: Kiểu gắn tường



Hình 26: Kiểu đứng độc lập



Hình 27: Kiểu treo

b) Ký hiệu tuyến, Ký hiệu tuyến và ga: Mỗi tuyến phải được quy định thể hiện thống nhất bởi một màu đặc trưng, và có ký hiệu riêng; Nền của Ký hiệu tuyến phải có màu đặc trưng của tuyến đó: Hình 28 là ký hiệu của tuyến số 1 và ký hiệu tuyến số 1 và ga số 6 của tuyến; Ký hiệu này dùng để bố trí phối hợp trên các biển chỉ dẫn (ví dụ xem Hình 29); Bố cục và các kích thước xem trong Phụ lục 5.



Ký hiệu tuyến (Tuyến số 1)



Hình 28: Ký hiệu tuyến và ga (ga số 06 của Tuyến số 1)

16.1.2 Biển chỉ dẫn đến ga đường sắt đô thị:

Biển chỉ dẫn đến ga có dán màng phản quang để có thể nhận biết vào ban đêm và được bố trí, lắp đặt sao cho dễ dàng nhìn thấy tại các điểm lân cận, xung quanh ga. Quy cách biển chỉ dẫn đến ga đường sắt đô thị thực hiện theo quy định.

Chú thích: Quy cách biển chỉ dẫn đến ga đường sắt đô thị tại: QCVN 41:2016/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ.

16.1.3 Biển chỉ dẫn tên ga và tên cửa vào ga: Biển chỉ dẫn tên ga được bố trí, lắp đặt đặt tại cổng chính của nhà ga, tại các cửa vào ga (Hình 29 và Hình 30). Trường hợp ga là điểm trung chuyển của nhiều tuyến đường sắt đô thị, trên biển chỉ dẫn tên ga phải thể hiện thông tin về các tuyến đường sắt đô thị đi qua ga và số hiệu cầu ga thông qua việc kết hợp bố trí góc trên bên phải các Ký hiệu tuyến hoặc Ký hiệu tuyến và ga (như Hình 28). Bố cục và các kích thước Biển chỉ dẫn xem trong Phụ lục 5.

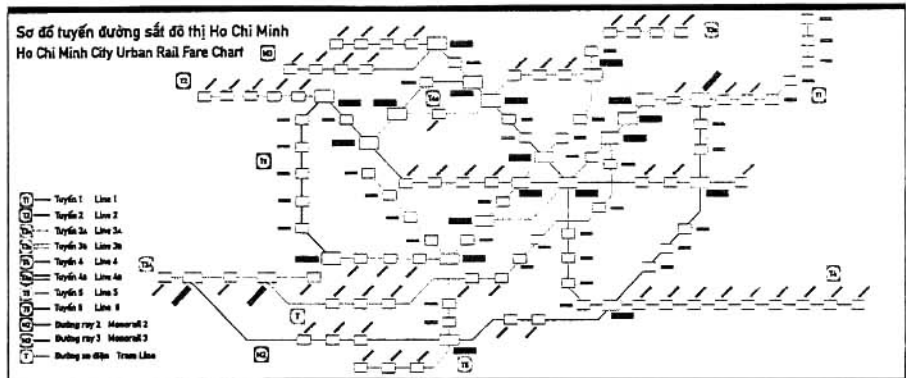


Hình 29: Biển chỉ dẫn tên ga



Hình vẽ 30: Biển chỉ dẫn tên ga và tên cửa vào ga

16.1.4 Biển chỉ dẫn mạng đường sắt đô thị (Hình 31): bố trí lắp đặt tại vị trí trước cửa ga, bao gồm sơ đồ các tuyến đường sắt đô thị trong mạng lưới đường sắt đô thị của thành phố, kể cả mạng lưới xe buýt công cộng (nếu cần thiết). Trên biển chỉ dẫn các tuyến đường sắt đô thị phải thể hiện: Ký hiệu tuyến, tên ga, thể hiện vị trí mà hành khách đang đứng bằng cách tô đậm tên ga.



Hình 31: Biển chỉ dẫn mạng đường sắt đô thị

16.1.5 Biển chỉ dẫn thông tin tiện ích và các biểu tượng: các biển chỉ dẫn thông tin tiện ích và các biểu tượng nêu tại các Điều 9, 10, 11, 12, 13, 14 và 15 được bố trí, lắp đặt phù hợp với các hạng mục kỹ thuật, các công trình và các nhu cầu chỉ dẫn trong khu vực này.

16.2 Khu vực trước sảnh chờ soát vé trong ga

Hệ thống biển chỉ dẫn tại khu vực trước sảnh chờ soát vé trong ga bao gồm nhưng không giới hạn các biển chỉ dẫn cơ bản sau:

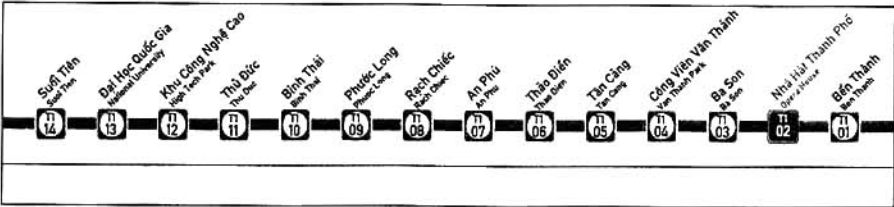
- Biển chỉ dẫn mạng đường sắt đô thị và biển chỉ dẫn sơ đồ giản tuyến báo giá;
- Biển chỉ dẫn đến chỗ bán vé và nơi soát vé;
- Biển chỉ dẫn lối ra;
- Biển chỉ dẫn đến thang máy, thang cuốn, thang bộ;
- Biển chỉ dẫn đến các tuyến đường sắt khác;
- Các biển chỉ dẫn thông tin tiện ích và các biểu tượng phù hợp với các hạng mục kỹ thuật, công trình và các nhu cầu chỉ dẫn khác trong khu vực.

Ghi chú: Hướng dẫn bố trí các biển chỉ dẫn tại khu vực này xem tại Phụ lục 1.

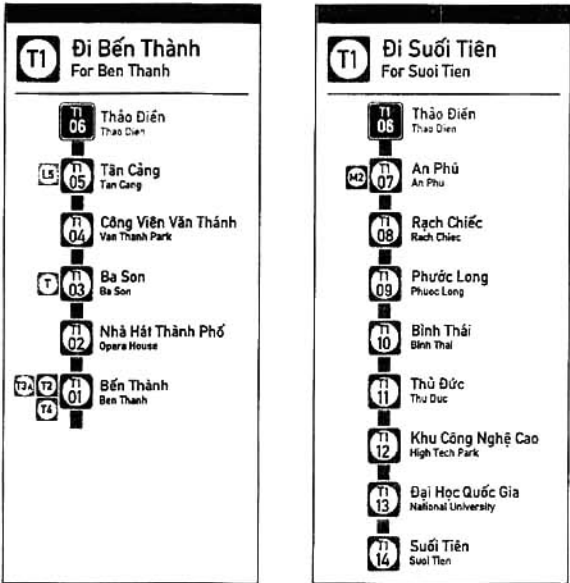
16.2.1 Biển chỉ dẫn mạng đường sắt đô thị và biển chỉ dẫn sơ đồ giản tuyến báo giá:

- Biển chỉ dẫn mạng lưới đường sắt đô thị: Hình thức và nội dung tương tự nêu tại Điều 16.1.4.
- Biển chỉ dẫn sơ đồ giản tuyến: Gồm các Ký hiệu tuyến hoặc Ký hiệu tuyến và ga kết nối với nhau thành đường thẳng có màu sắc tương ứng với màu đặc trưng của tuyến;

chỉ dẫn ga mà hành khách đang đứng in màu đỏ; Biển chỉ dẫn sơ đồ giản tuyến có 02 loại: ngang và đứng (xem các Hình 32 và 33)

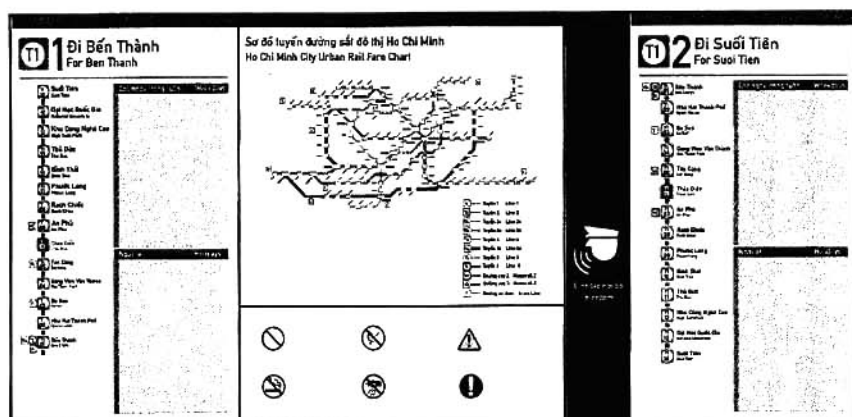


Hình 32: Biển chỉ dẫn sơ đồ giản tuyến báo giá (bố trí nằm ngang)



Hình 33: Biển chỉ dẫn sơ đồ giản tuyến (bố trí thẳng đứng)

c) Biển chỉ dẫn tổng thể kết hợp báo giá vé: Hình 34 tổ hợp các biển chỉ dẫn mạng lưới đường sắt đô thị (như tại mục a Điều 16.1.4), biển chỉ dẫn sơ đồ giản tuyến báo giá tại (như tại mục b Điều 16.2.1) và các biểu tượng cần thiết tương ứng nêu tại các Điều 9, 10, 11, 12, 13, 14 và 15.



Hình 34: Biển chỉ dẫn tổng thể kết hợp báo giá vé

16.2.2 Biển chỉ dẫn đến chỗ bán vé và nơi soát vé: dùng để chỉ dẫn hành khách tiếp cận đến khu vực bán vé, quầy vé hoặc máy bán vé, bao gồm:

a) Biển chỉ dẫn khu vực bán vé: dùng để chỉ dẫn khách khách tiếp cận đến Khu vực bán vé. Nội dung và trình bày như Hình 35.



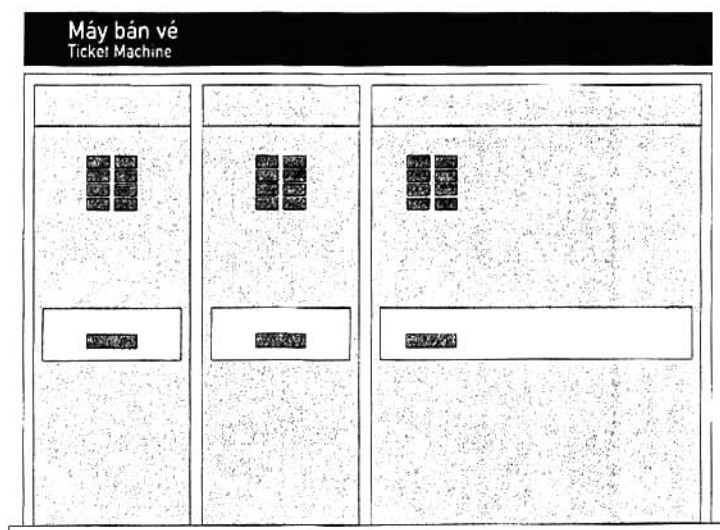
Hình 35: Biển chỉ dẫn khu vực bán vé

b) Biển chỉ dẫn quầy bán vé: Biển chỉ dẫn cho hành khách biết có thể mua vé trực tiếp từ người bán vé. Nội dung và trình bày như Hình 36.



Hình 36: Biển chỉ dẫn quầy bán vé

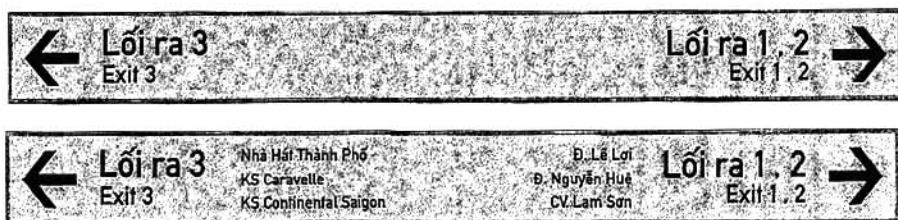
c) Biển chỉ dẫn máy bán vé: dùng để chỉ dẫn cho hành khách biết để tiếp cận đến các máy bán vé tự động (Hình 37)



Hình 37: Biển chỉ dẫn máy bán vé

16.2.3 Biển chỉ dẫn lối ra: dùng để chỉ dẫn cho hành khách biết lối ra phổ có thể kết hợp tên phố, trên trường học, bến xe, ga tàu đường sắt, trung tâm thương mại, giải trí,...Biển chỉ dẫn lối ra bao gồm:

a) Biển chỉ dẫn lối ra nhiều hướng (Hình 38):



Hình 38: Biển chỉ dẫn các lối ra nhiều hướng (kiểu gắn trần)

b) Biển chỉ dẫn lối ra một hướng (Hình 39):



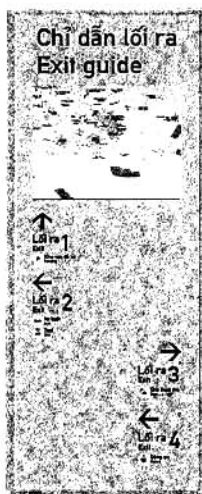
Hình 39: Biển chỉ dẫn lối ra một hướng (kiểu gắn trần)

c) Biển chỉ tên lối ra (Hình 40):



Hình 40: Biển chỉ dẫn tên lối ra (kiểu tay vịn)

d) Biển chỉ dẫn lối ra kết hợp với sơ đồ (Hình 41):



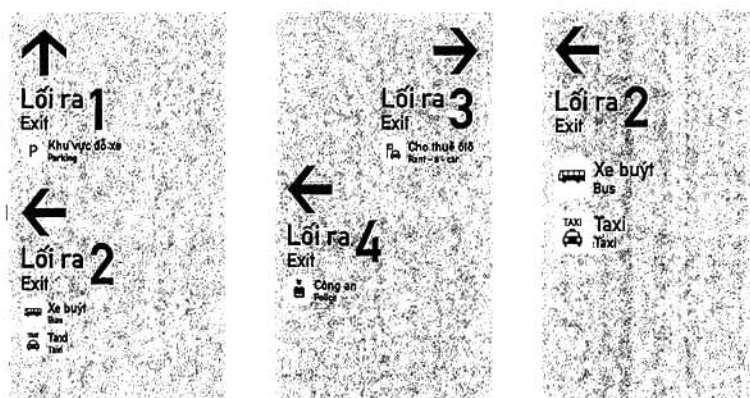
Hình 41: Biển chỉ dẫn lối ra kết hợp với sơ đồ (kiểu gắn tường)

e) Biển chỉ dẫn lối ra bằng thang máy (Hình 42)



Hình 42: Biển chỉ dẫn lối ra bằng thang máy (kiểu gắn tường)

f) Biển chỉ dẫn lối ra kết hợp thông tin công cộng: kết hợp với các biểu tượng công cộng hướng dẫn hành khách tiếp cận đến các vị trí công cộng lân cận như: Bến xe buýt, điểm dừng Taxi, bãi đỗ xe, trung tâm thương mại, trường học,...



Hình 43: Biển chỉ dẫn lối ra kết hợp thông tin công cộng (kiểu gắn tường)

g) Biển chỉ dẫn lối ra kết hợp chuyển tiếp ke ga: Đối với biển chỉ dẫn này có 2 phần: Phần bên trái thông tin về lối ra có nên là màu vàng PANTONE 116 C; Phần bên phải thông tin về các tuyến và có nền là màu xanh dương đậm PANTONE 2757 C (xem Hình 44)



Hình 44: Biển chỉ dẫn kết hợp chuyển tiếp ke ga (kiểu gắn trần)

16.2.4 Biển chỉ dẫn đến thang máy, thang bộ, thang cuốn: kết hợp với mũi tên chỉ hướng phù hợp và biểu tượng loại thang máy, thang bộ tương ứng (xem các Hình 45, 46 và 47):



Hình 45: Biển chỉ dẫn thang máy (kiểu gắn trần)



Hình 46: Biển chỉ dẫn thang cuốn (kiểu gắn trần)



Hình 47: Biển chỉ dẫn thang bộ (kiểu gắn trần)

16.2.5 Biển chỉ dẫn đến các tuyến khác: dùng để chỉ dẫn cho hành khách biết tiếp cận đến tuyến cần thiết.

Biển chỉ dẫn đến tuyến khác: Kết hợp với mũi tên chỉ hướng và Ký hiệu tuyến (Hình 48, 49, 50 và 51):



Hình 48: Biển chỉ dẫn đi thẳng đến các tuyến khác (kiểu gắn trần)



Hình 49: Biển chỉ dẫn đến các các tuyến khác (kiểu gắn trần)



Hình 50: Biển chỉ dẫn rẽ trái đến các tuyến khác (kiểu gắn trần)



Hình 51: Biển chỉ dẫn đến các tuyến khác theo các hướng - kiểu gắn trần

16.2.6 Biển chỉ dẫn thông tin tiện ích và các biểu tượng cần thiết: các biển chỉ dẫn thông tin tiện ích và các biểu tượng nêu tại các Điều 9, 10, 11, 12, 13, 14 và 15 được bố trí, lắp đặt phù hợp với các hạng mục kỹ thuật, các công trình và các nhu cầu chỉ dẫn trong khu vực này.

16.3 Khu vực soát vé

Hệ thống biển chỉ dẫn tại khu vực soát vé bao gồm nhưng không giới hạn các biển chỉ dẫn cơ bản sau:

- a) Biển chỉ dẫn lối vào;
- b) Biển chỉ dẫn lối ra;
- c) Biển chỉ dẫn vào/ra kết hợp;
- d) Biển chỉ dẫn cỡ lớn dành cho ga trên cao;
- e) Các biển chỉ dẫn thông tin tiện ích và các biểu tượng phù hợp với các hạng mục kỹ thuật, công trình và các nhu cầu chỉ dẫn khác trong khu vực.

Chú thích: Hướng dẫn bố trí các biển chỉ dẫn tại khu vực này xem tại Phụ lục A.

16.3.1 Biển chỉ dẫn lối vào: dùng để chỉ dẫn cho hành khách biết cửa này cho phép đi vào và không được đi ra (xem hình 52 và 53)



Hình 52: Biển chỉ dẫn cửa vào – mặt trước (kiểu gắn trần)



Hình 53: Biển chỉ dẫn cửa vào – mặt sau (kiểu gắn trần)

16.3.2 Biển chỉ dẫn lối ra: dùng để chỉ dẫn cho hành khách biết cửa này chỉ cho phép đi ra và không được phép đi vào (Hình 54 và 55):



Hình 54: Biển chỉ dẫn cửa ra – mặt sau (kiểu gắn trần)

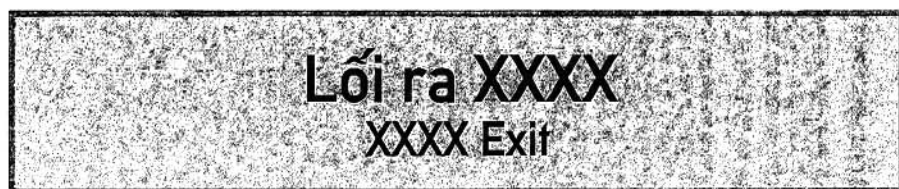


Hình 55: Biển cửa ra – mặt trước (kiểu gắn trần)

16.3.3 Biển chỉ dẫn vào/ra kết hợp: chỉ dẫn cho hành khách biết cửa này được phép cả đi vào và đi ra (Hình 56 và 57).



Hình 56: Biển chỉ dẫn cửa vào/ra – mặt trước (kiểu gắn trần)



Hình 57: Biển chỉ dẫn cửa vào/ra – mặt sau (kiểu gắn trần)

16.3.4 Biển chỉ dẫn cỡ lớn dành cho ga trên cao: Xem Hình 58 và Hình 59.



Hình 58: Biển chỉ dẫn cửa vào/ra – mặt sau (kiểu gắn trần)



Hình 59: Biển chỉ dẫn cửa vào/ra – mặt sau (kiểu gắn trần)

16.3.5 Biển chỉ dẫn thông tin tiện ích và các biểu tượng cần thiết: các biển chỉ dẫn thông tin tiện ích và các biểu tượng nêu tại các Điều 9, 10, 11, 12, 13, 14 và 15 được bố trí, lắp đặt phù hợp với các hạng mục kỹ thuật, các công trình và các nhu cầu chỉ dẫn trong khu vực này.

16.4 Khu vực sau sảnh chờ soát vé trong ga

Hệ thống biển chỉ dẫn tại khu vực sau sảnh chờ soát vé trong ga bao gồm nhưng không giới hạn các biển chỉ dẫn cơ bản sau:

- a) Biển chỉ dẫn tuyến đường sắt đô thị;
- b) Biển chỉ dẫn đến ke ga;
- c) Biển chỉ dẫn đến ga chuyển tiếp;
- d) Biển chỉ dẫn tên ke ga;
- e) Biển chỉ dẫn lối ra;
- f) Biển chỉ dẫn đến cầu thang bộ, thang máy, thang cuốn;
- g) Biển chỉ dẫn đến nơi điều chỉnh vé;
- h) Biển chỉ dẫn hướng ke ga, kết hợp sơ đồ tuyến;
- i) Sơ đồ lối ra trong nhà ga;
- j) Các biển chỉ dẫn thông tin tiện ích và các biểu tượng phù hợp với các hạng mục kỹ thuật, công trình và các nhu cầu chỉ dẫn khác trong khu vực.

Chú thích: Hướng dẫn bố trí các biển chỉ dẫn tại khu vực này xem tại Phụ lục A.

16.4.1 Biển chỉ dẫn mạng đường sắt đô thị: như nêu tại Điều 16.1.4.

16.4.2 Biển chỉ dẫn ke ga: chỉ dẫn cho hành khách biết để đến ke ga từ đó có thể lên tàu để đến ga mà mình muốn (Hình 60 và 61).



Hình 60: Ví dụ về biển chỉ dẫn ke ga dùng cho ga kiểu đảo (kiểu gắn trần)



Hình 61: Biển chỉ dẫn ke ga dùng cho ga kiểu cạnh (kiểu gắn tường)

16.4.3 Biển chỉ dẫn đến ga chuyển tiếp: Xem các Hình 62, Hình 63, Hình 64, Hình 65.



Hình 62: Biển chỉ dẫn đến ga chuyển tiếp (kiểu gắn trần)



Hình 63: Biển chỉ dẫn chuyển tuyến (kiểu gắn trần)



Hình 64: Biển chỉ dẫn chuyển ga (kiểu gắn trần)



Hình 65: Biển chỉ dẫn chuyển ga (kiểu gắn trần)

16.4.4 Biển chỉ dẫn tên ke ga: Xem Hình 66 và Hình 67.



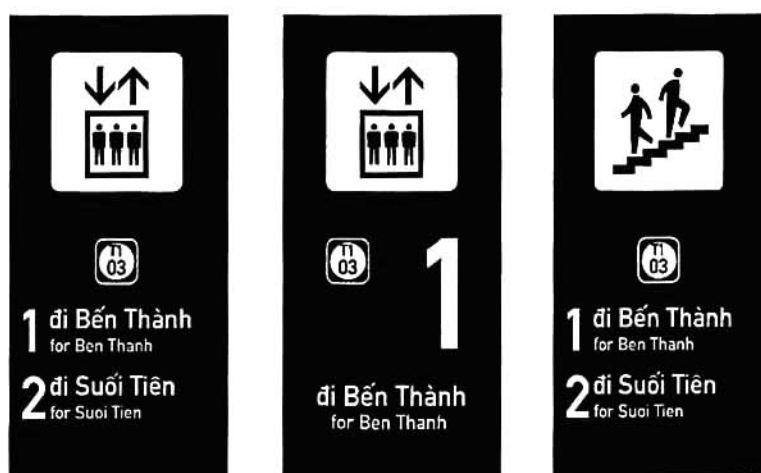
Hình 66: Biển chỉ dẫn tên ke ga



Hình 67: Biển chỉ dẫn tên ke ga

16.4.5 Biển chỉ dẫn lối ra: như Điều 16.2.3.

16.4.6 Biển chỉ dẫn đến ga bằng cầu thang bộ, thang máy, thang cuốn: Xem Hình 68.



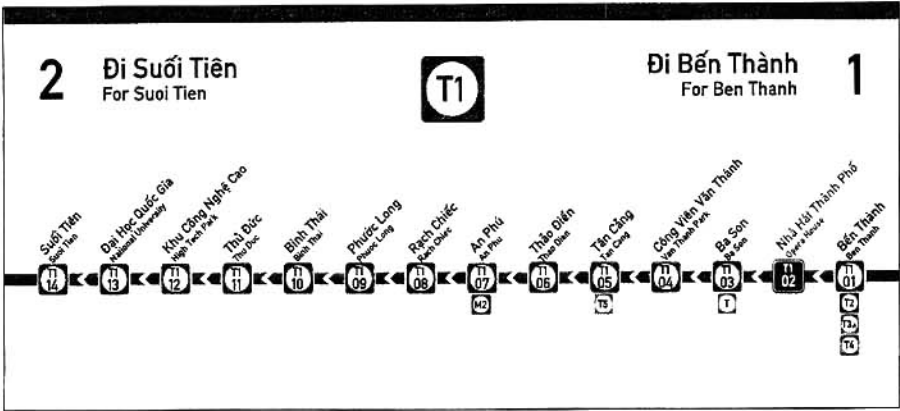
Hình 68: Biển chỉ dẫn đến ga bằng cầu thang bộ, thang máy, thang cuốn

16.4.7 Biển chỉ dẫn đến nơi điều chỉnh vé: Xem Hình 69.



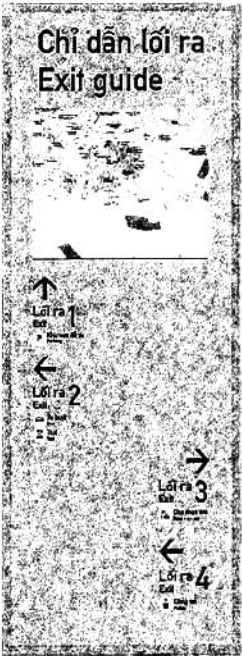
Hình 69: Biển chỉ dẫn đến nơi điều chỉnh vé

16.4.8 Biển chỉ dẫn hướng ke ga, kết hợp sơ đồ tuyến: Xem Hình 70.



Hình 70: Biển chỉ dẫn hướng ke ga, kết hợp sơ đồ tuyến

16.4.9 Biển chỉ dẫn sơ đồ lối ra: Là biển chỉ dẫn cho hành khách biết lối ra khi hành bước ra khỏi tàu sang ke ga: Xem Hình 71.



Hình 71: Biển chỉ dẫn sơ đồ lối ra (Kiểu gắn tường)

16.4.10 Biển chỉ dẫn thông tin tiện ích và các biểu tượng cần thiết

Các biển chỉ dẫn thông tin tiện ích và các biểu tượng nêu tại các Điều 9, 10, 11, 12, 13, 14 và 15 được bố trí, lắp đặt phù hợp với các hạng mục kỹ thuật, các công trình và các nhu cầu chỉ dẫn trong khu vực này.

16.5 Khu vực ke ga

Hệ thống biển chỉ dẫn tại khu vực ke ga bao gồm nhưng không giới hạn các biển chỉ dẫn sau:

- a) Biển chỉ dẫn tên ga;
- b) Biển đặt vị trí bên kia ke ga;
- c) Biển chỉ dẫn hướng tàu chạy;
- d) Biển chỉ dẫn giảm đồ tuyền đường sắt cụ thể;
- e) Biển chỉ dẫn tổng thể sơ đồ mạng lưới đường sắt đô thị;
- f) Biển chỉ dẫn vị trí toa xe;
- g) Biển chỉ dẫn lối ra, lối đến thang máy, thang bộ và thang cuốn;
- h) Các biển chỉ dẫn thông tin tiện ích và các biểu tượng phù hợp với các hạng mục kỹ thuật, công trình và các nhu cầu chỉ dẫn khác trong khu vực.

Ghi chú: Hướng dẫn bố trí các biển chỉ dẫn tại khu vực này xem tại Phụ lục A.

16.5.1 Biển chỉ dẫn tên ga đặt trên ke ga: Xem Hình 72



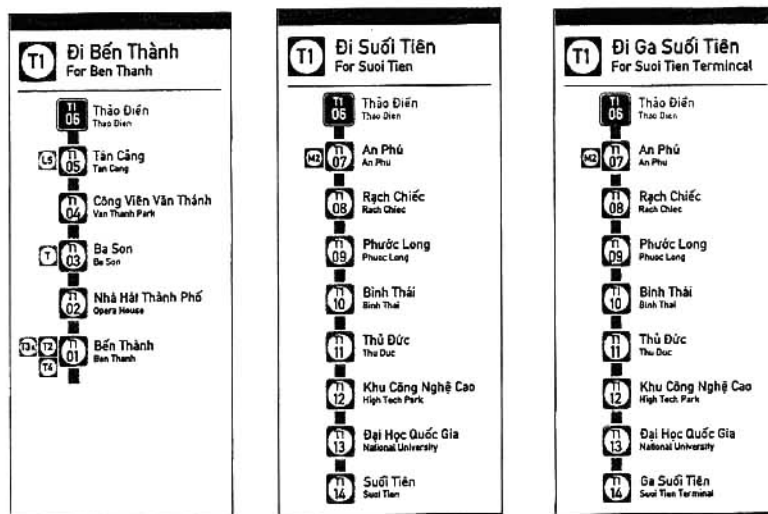
Hình 72: Biển chỉ dẫn tên ga bố trí trên ke ga

16.5.2 Biển chỉ dẫn tên ga bố trí bên kia, đối diện với ke ga: Xem Hình 73.



Hình 73: Biển chỉ dẫn tên ga bố trí bên kia đối diện với ke ga

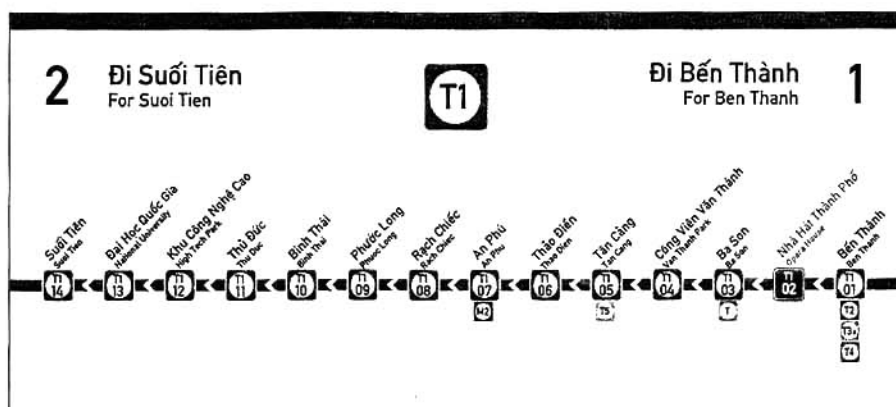
16.5.3 Biển chỉ dẫn sơ đồ giản tuyến hướng tàu chạy: Xem Hình 74.



Hình 74: Biển chỉ dẫn sơ đồ giản tuyến hướng tàu chạy

16.5.4 Biển chỉ dẫn giản đồ tuyến trên ke ga

Sơ đồ giản tuyến trên ke ga có kết hợp nội dung chỉ dẫn hướng tàu chạy đến ga tiếp theo: Xem Hình 75.



Hình 75: Biển chỉ dẫn giản đồ tuyến trên ke ga.

16.5.5 Biển chỉ dẫn tổng thể sơ đồ mạng lưới đường sắt đô thị: như nêu tại Điều 16.1.4.

16.5.6 Biển chỉ dẫn vị trí toa xe: Xem Hình 76.



Hình 76: Biển chỉ dẫn vị trí toa xe

16.5.7 Biển chỉ dẫn khe hở giữa ke ga và đoàn tàu để đảm bảo an toàn khi lên xuống tàu: Xem Hình 77.



Hình 77: Biển chỉ dẫn khe hở giữa ke ga và đoàn tàu.

16.6.3 Biển chỉ dẫn chỗ ngồi ưu tiên

Dùng để chỉ dẫn cho hành khách biết là chỗ ngồi trong khu vực này chỉ dành riêng cho các đối tượng phù hợp với các biểu tượng có trên biển chỉ dẫn: Xem Hình 79.



Hình 79: Biển chỉ dẫn chỗ ngồi ưu tiên

16.6.4 Biển chỉ dẫn tên toa xe

Dùng để chỉ dẫn cho hành khách biết số của toa tàu: Xem Hình 80.



Hình 80: Biển chỉ dẫn tên toa xe

Chú thích: Tên ga, biểu tượng đường sắt đô thị của các thành phố được nêu trong các biển chỉ dẫn của tiêu chuẩn này chỉ có tính chất minh họa làm ví dụ. Tên ga và biểu tượng đường sắt đô thị cụ thể do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

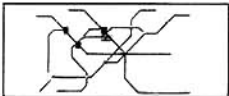
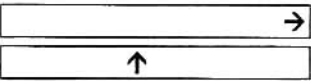
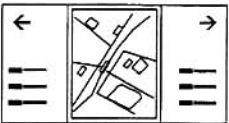
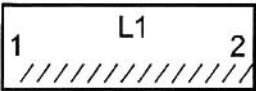
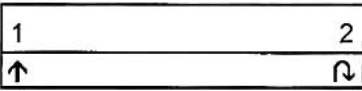
Phụ lục A

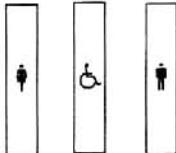
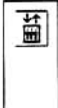
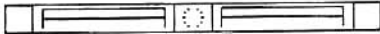
(Quy định)

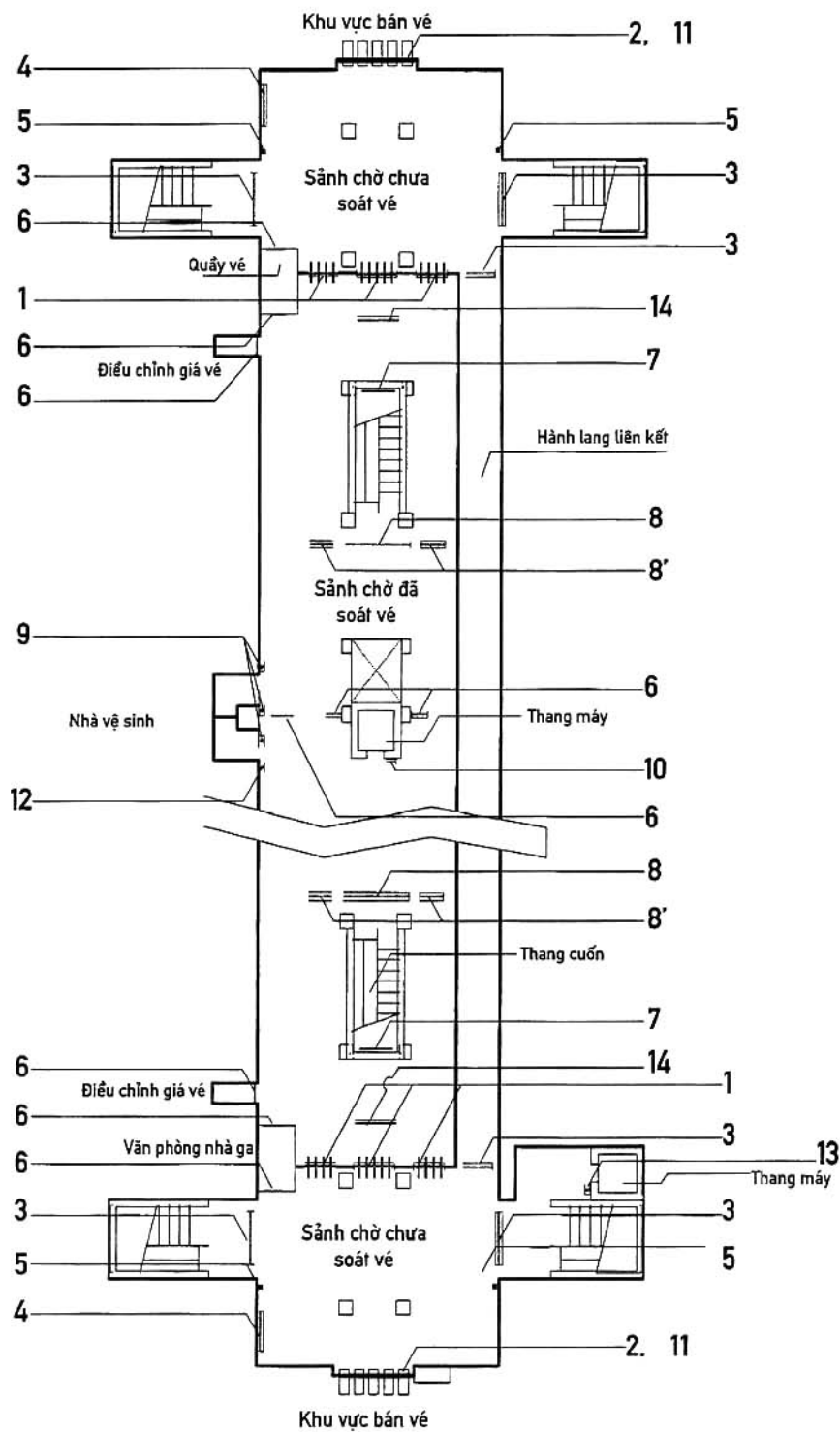
Vị trí lắp đặt

A.1. Nhà ga ke ga kiểu đảo

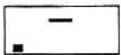
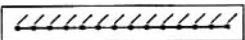
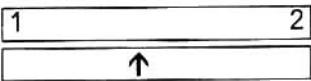
A.1.1. Tầng sảnh chờ

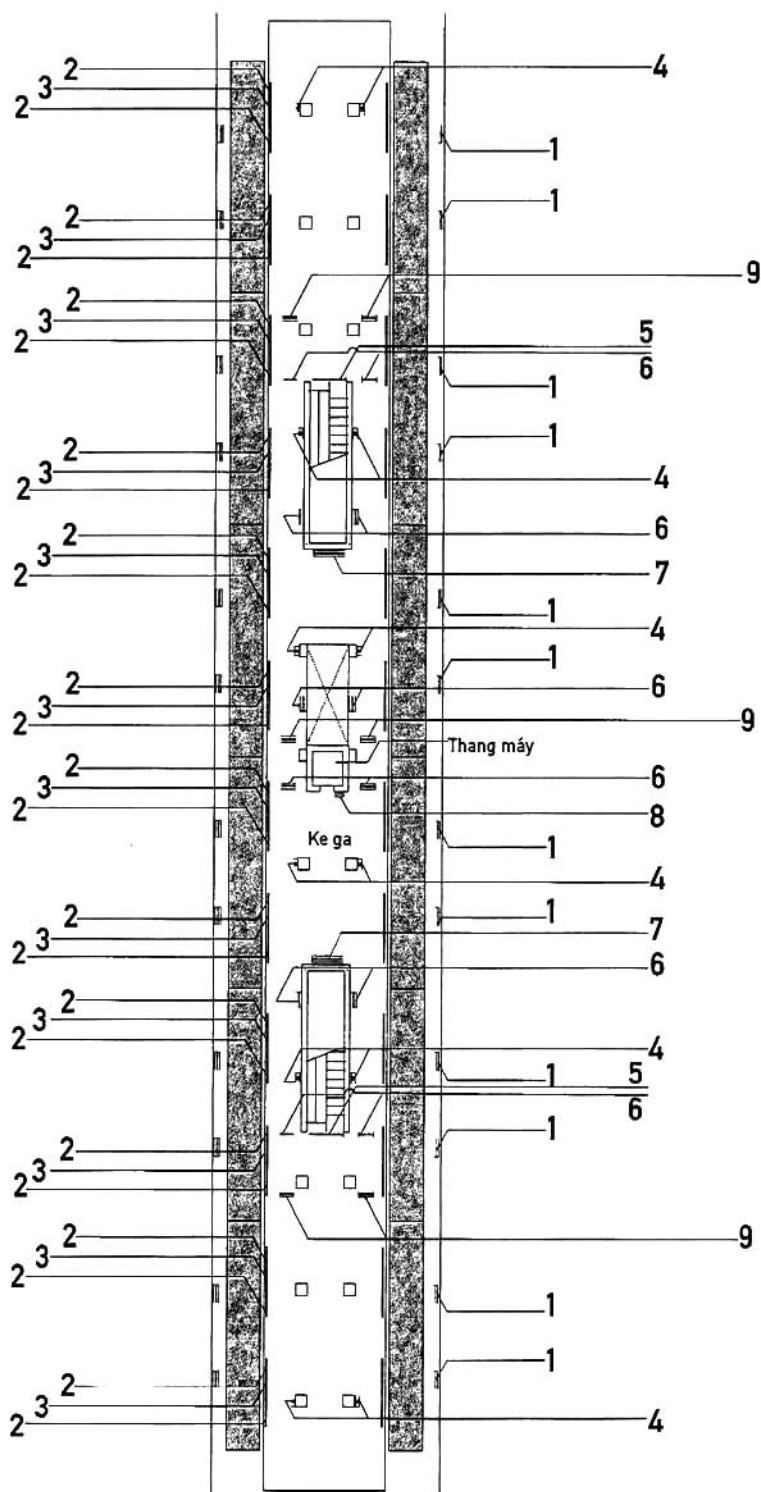
Stt	Loại Biển	Hình tối giản
1	Biển chỉ dẫn lối vào (16.3.1)	
2	Biển chỉ dẫn mạng lưới đường sắt đô thị và biển chỉ dẫn sơ đồ giản tuyến báo giá (16.2.1)	
3	Biển chỉ dẫn lối ra (16.2.3) Biển chỉ dẫn lối ra (16.3.2)	
4	Biển chỉ dẫn tổng thể kết hợp báo giá vé (16.2.1c)	
5	Biển chỉ dẫn lối ra kết hợp với sơ đồ (16.2.4 d)	
6	Hệ thống biển chỉ thông tin tiện ích (15)	
7	Biển chỉ dẫn hướng ke ga, kết hợp sơ đồ tuyến (16.4.8)	
8	Biển chỉ dẫn đến ke ga (16.4.2)	

8'	Biển chỉ dẫn tên ke ga (16.4.4)	
9	Biển chỉ dẫn nhà vệ sinh kiểu tay vịn (15.1b) Biển chỉ dẫn nhà vệ sinh dùng cho người khiếm thị kiểu gắn tường (15.1c)	
10	Biển chỉ dẫn đến ga bằng cầu thang máy (16.4.6)	
11	Biển chỉ dẫn đến chỗ bán vé (16.2.1)	
12	Biển chỉ dẫn sơ đồ	
13	Biển chỉ dẫn lối ra bằng thang máy (16.2.3e)	
14	Biển chỉ dẫn tổng thể kết hợp báo giá vé (16.2.1c)	



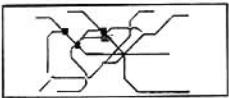
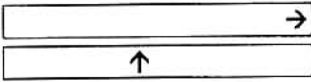
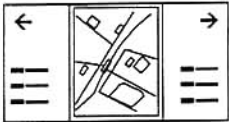
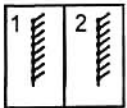
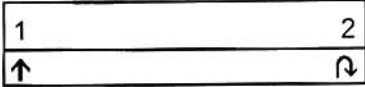
A.1.2. Tầng ke ga

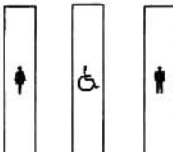
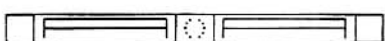
Stt	Loại Biển	Hình tối giản
1	Biển chỉ dẫn tên ga bố trí bên kia đối diện với ke ga (16.5.2)	
2	Biển chỉ dẫn tên ga đặt trên ke ga (16.5.1)	
3	Biển chỉ dẫn giảm đồ tuyền trên ke ga (16.5.4)	
4	Biển chỉ dẫn sơ đồ giản tuyến hướng tàu chạy (16.5.3)	
5	Biển chỉ dẫn lối ra (16.5.7)	
6	Biển chỉ dẫn lối ra (16.5.7)	
7	Biển chỉ dẫn tổng thể sơ đồ mạng lưới đường sắt (16.5.5)	
8	Biển chỉ dẫn lối ra (16.5.7)	

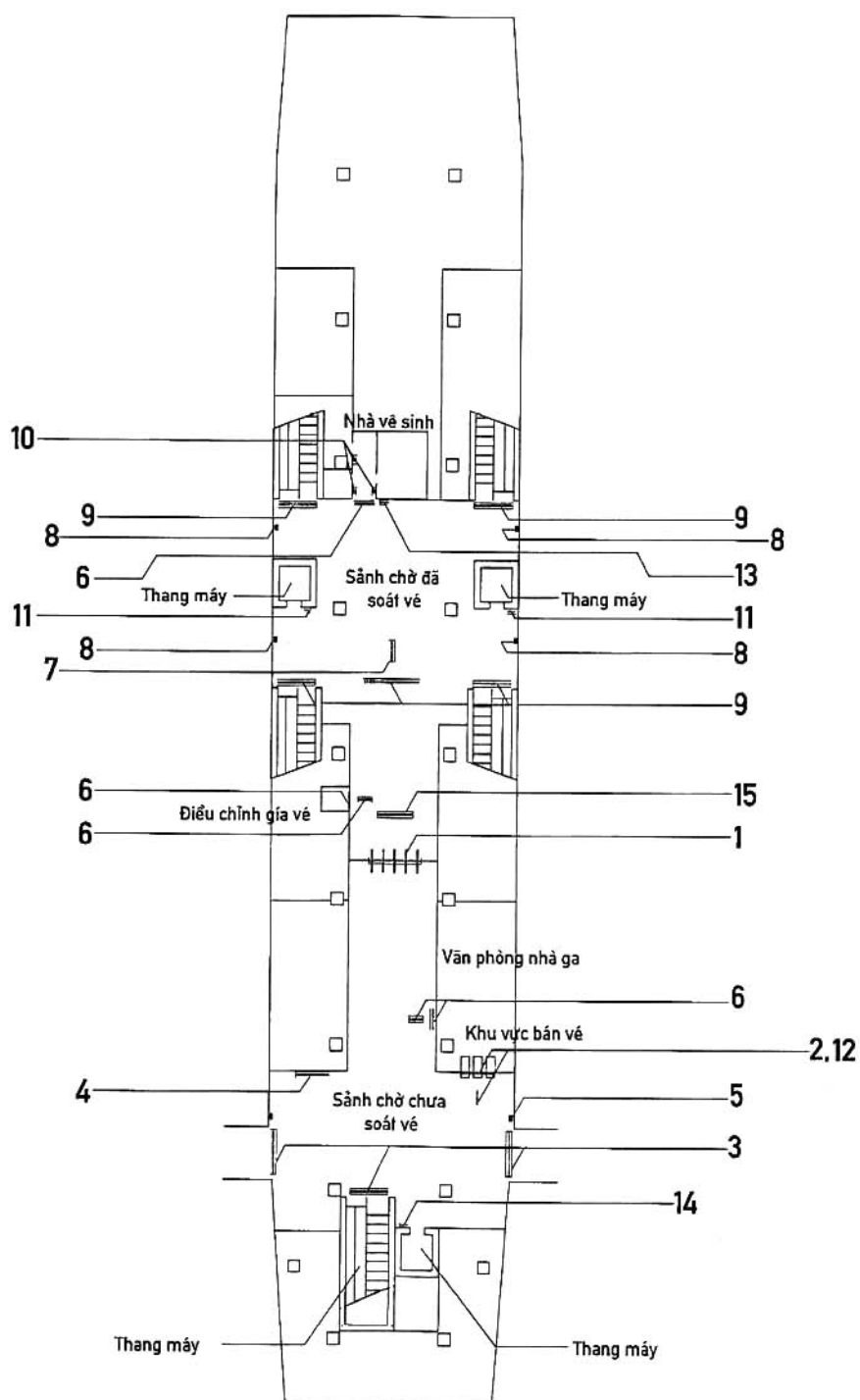


A.2. Nhà ga ke ga kiểu cạnh

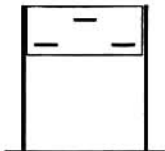
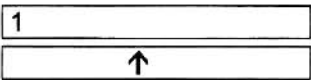
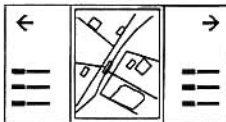
A.2.1. Tầng sảnh chờ

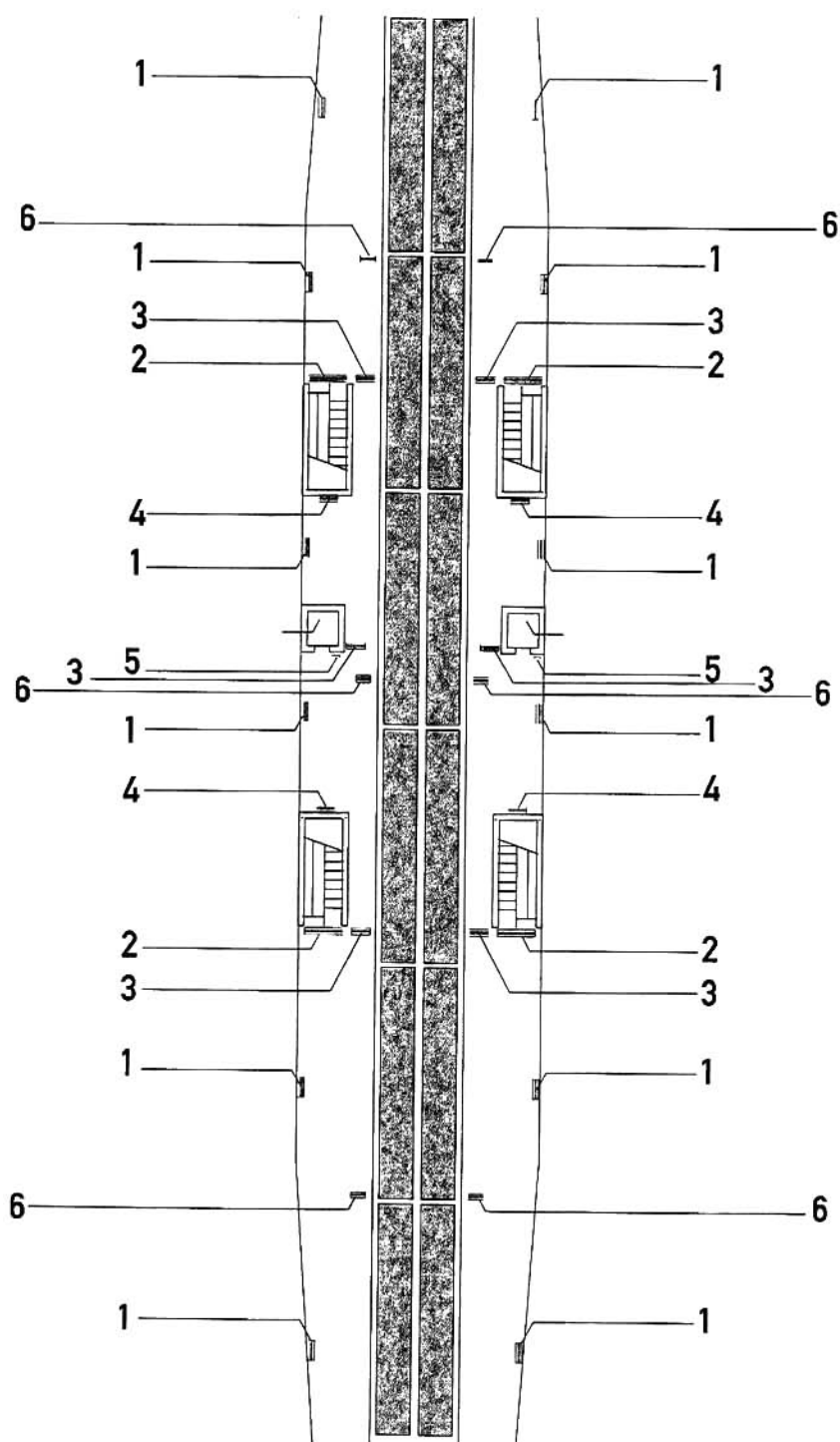
Stt	Loại Biển	Hình tối giản
1	Biển chỉ dẫn lối vào (16.3.1)	
2	Biển chỉ dẫn mạng đường sắt đô thị và biển chỉ dẫn sơ đồ giản tuyến báo giá (16.2.1)	
3	Biển chỉ dẫn lối ra (16.2.3) Biển chỉ dẫn lối ra (16.3.2)	
4	Biển chỉ dẫn tổng thể kết hợp báo giá vé (16.2.1c)	
5	Biển chỉ dẫn lối ra kết hợp với sơ đồ (16.2.4 d)	
6	Hệ thống biển chỉ thông tin tiện ích (15)	
7	Biển chỉ dẫn lối ra (16.4.5)	
8	Biển chỉ dẫn tên ke ga (16.4.4)	
9	Biển chỉ dẫn ke ga (16.4.2)	

10	Biển chỉ dẫn nhà vệ sinh kiểu tay vịn (15.1b) Biển chỉ dẫn nhà vệ sinh dùng cho người khuyết tật kiểu gắn tường (15.1c)	
11	Biển chỉ dẫn đến ga bằng cầu thang máy (16.4.6)	
12	Biển chỉ dẫn đến chỗ bán vé (16.2.2)	
13	Biển chỉ dẫn sơ đồ	
14	Biển chỉ dẫn lối ra bằng thang máy (16.2.3e)	
15	Biển chỉ dẫn tổng thể kết hợp báo giá vé (16.2.1c)	



A.2.2. Tầng ke ga

Stt	Loại Biển	Hình tối giản
1	Biển chỉ dẫn tên ga đặt trên ke ga (16.5.1)	
2	Biển chỉ dẫn tên ga đặt trên ke ga (16.5.1) Biển chỉ dẫn lối ra (16.5.7)	
3	Biển chỉ dẫn lối ra (16.5.7)	
4	Biển chỉ dẫn giản đồ tuyến cụ thể (16.5.4)	
5	Biển chỉ dẫn lối ra bằng thang máy (16.5.7)	



Phụ lục B
(Quy định)
Chiều cao lắp đặt

B.1 Chiều cao lắp đặt

B.1.1 Biển báo bên ngoài

Biển báo kích thước lớn bên ngoài như là “Biển báo tên ga ngoài trời” được lắp đặt ở mặt trước hoặc ở dưới mái hiên sẽ dễ nhìn thấy ở vị trí cao. (Hình 1)

B.1.2 Biển báo tầm nhìn xa

Biển báo treo cao, gắn trần và cờ hiệu sẽ được lắp đặt ở độ cao 2400 mm, tối thiểu 2100 mm, tính từ mặt nền tới cạnh dưới biển báo. (Hình 2)

Biển báo sẽ được lắp đặt sao cho cả người đang đứng và người sử dụng xe lăn đều nhìn rõ khi nhìn lên góc không lớn hơn 100 m theo phương ngang. (Hình 3)

B.1.3 Biển báo tầm nhìn trung bình

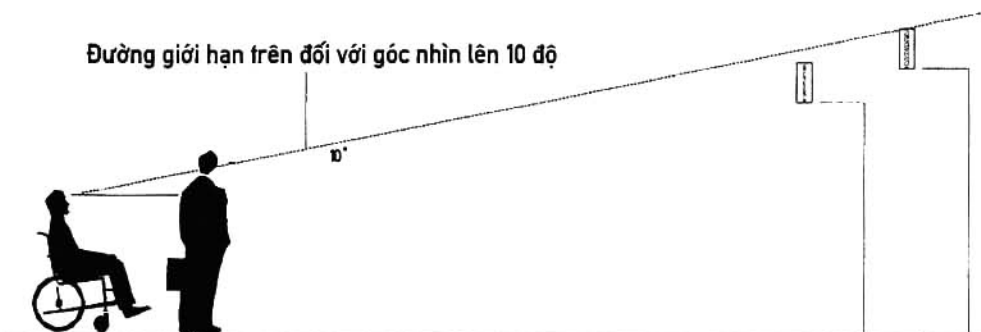
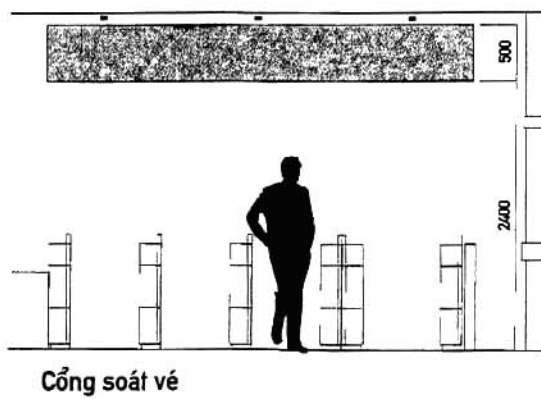
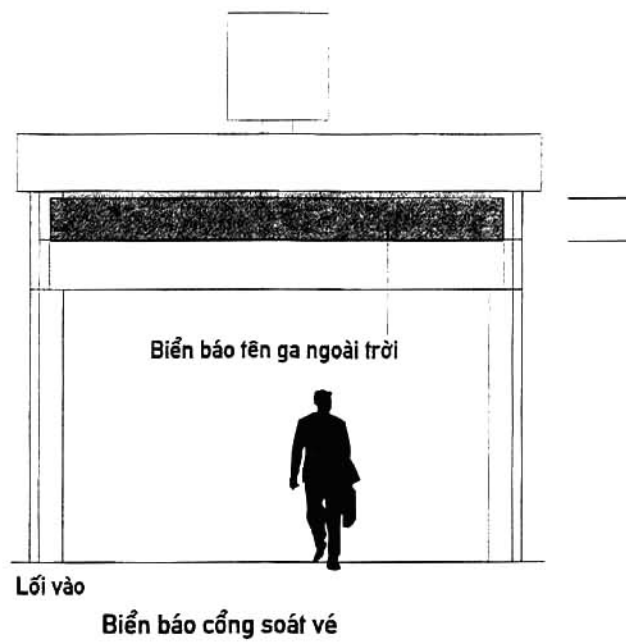
Biển báo đứng độc lập hay gắn tường như là “Biển báo tên ga” sẽ được lắp ở độ cao 2000mm tính từ mặt nền tới cạnh trên biển báo. (Hình 4)

B.1.4 Biển báo tầm nhìn gần

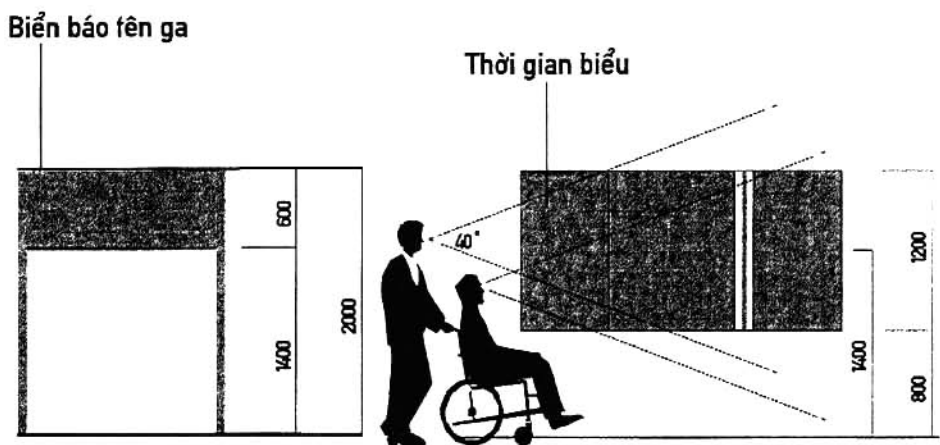
Khi biển báo đối diện với hành khách ở cự ly gần, chiều cao từ mặt nền đến điểm chính giữa biển báo nên là 1400mm, là điểm chính giữa tầm nhìn của một người đang đứng hay những hành khách đi xe lăn. (Hình 5)

B.1.5 Biển báo hộp gắn tường

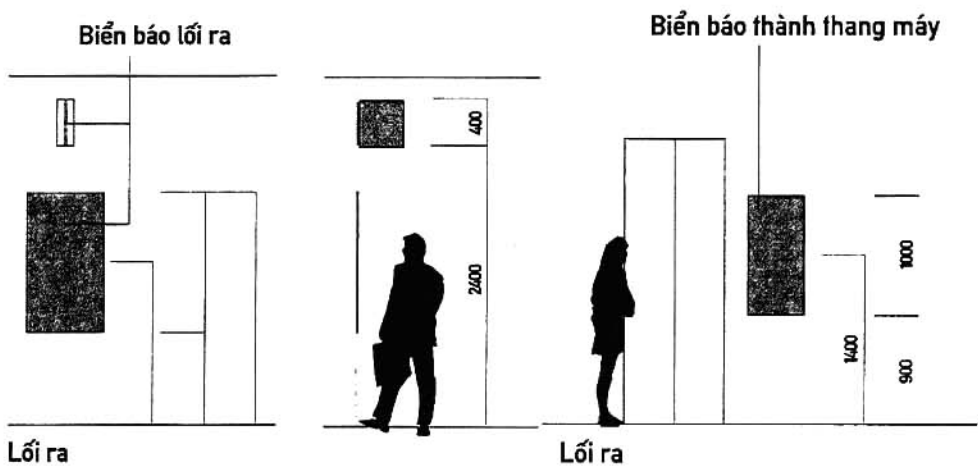
Biển báo hộp gắn tường, như là “Biển báo nhà vệ sinh”, sẽ được lắp đặt từ mặt nền lên đến trần nhà ga. Các chữ quan sát được sẽ đặt ở độ cao 1500mm tính từ mặt nền đến cạnh dưới các chữ. Biển chỉ dẫn bằng chữ nổi đặt ở độ cao 1320mm tính từ mặt nền tới điểm chính giữa biển chỉ dẫn. (Hình 6)



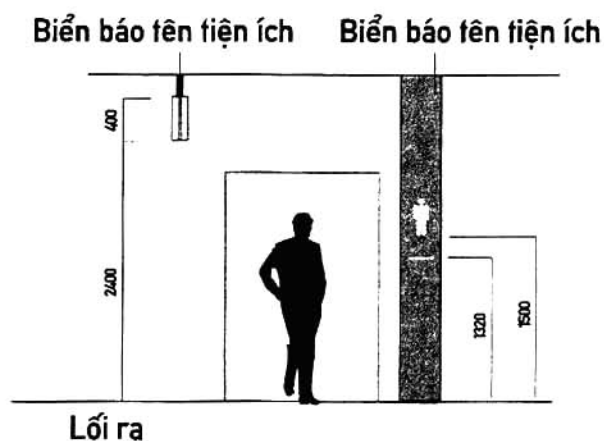
B.1.6 Bố trí lắp đặt Biển báo chỉ dẫn tầm nhìn xa



B.1.7 Bố trí lắp đặt Biển báo chỉ dẫn tầm nhìn trung bình



B.1.8 Bố trí lắp đặt Biển báo chỉ dẫn tầm nhìn gần



B.2 Kết hợp với các biển khác nhau

B.2.1 Các biển báo gần nhau không chồng lẫn lên nhau

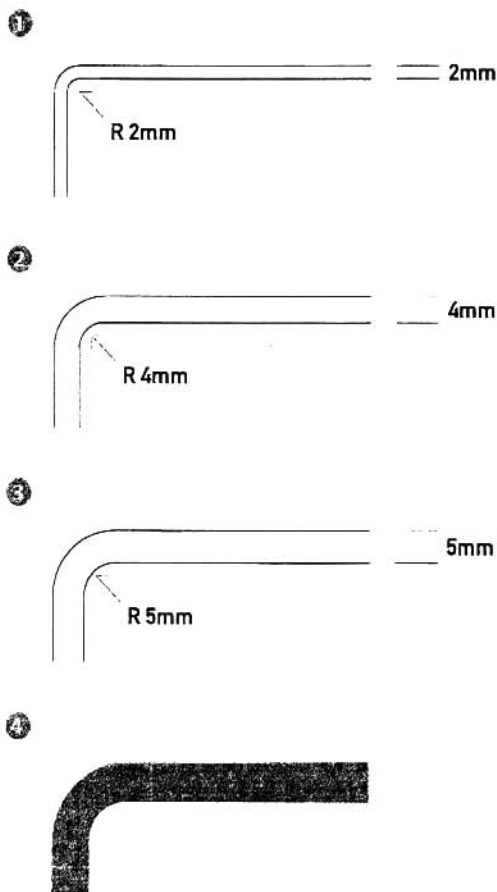


B.2.2 Khoảng cách yêu cầu giữa 2 biển báo

Nhìn chung, tầm nhìn nên xa hơn 20m đối với loại biển báo treo; khoảng 10m đối với tiêu đề của các biển báo thông tin; và gần hơn 4-5m đối với các biển báo đứng độc lập hay gắn tường. Việc xác định khoảng cách giữa 2 biển báo

B.3 Các kiểu bán kính góc bo:

Bán kính góc bo phụ thuộc vào bề dày của viền biển và tuân theo quy tắc như hình bên dưới.

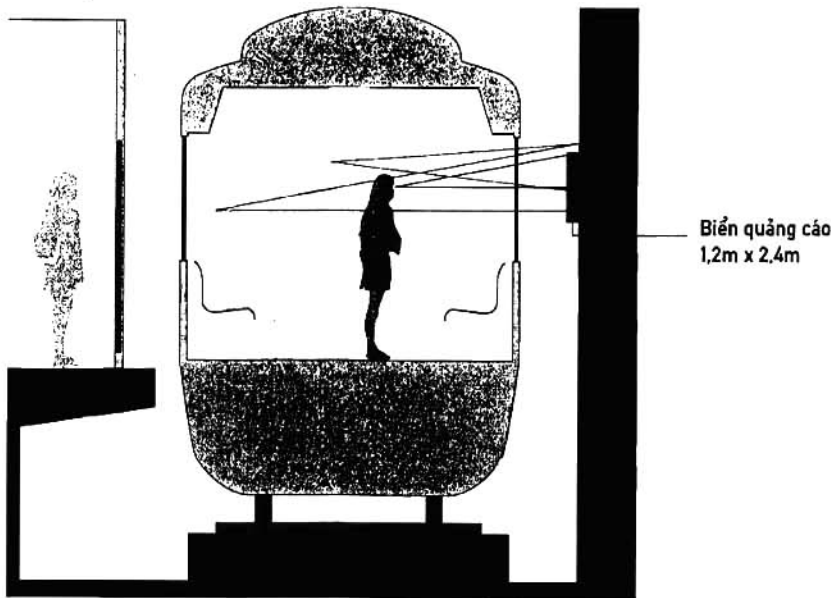


Phụ lục C

(Quy định)

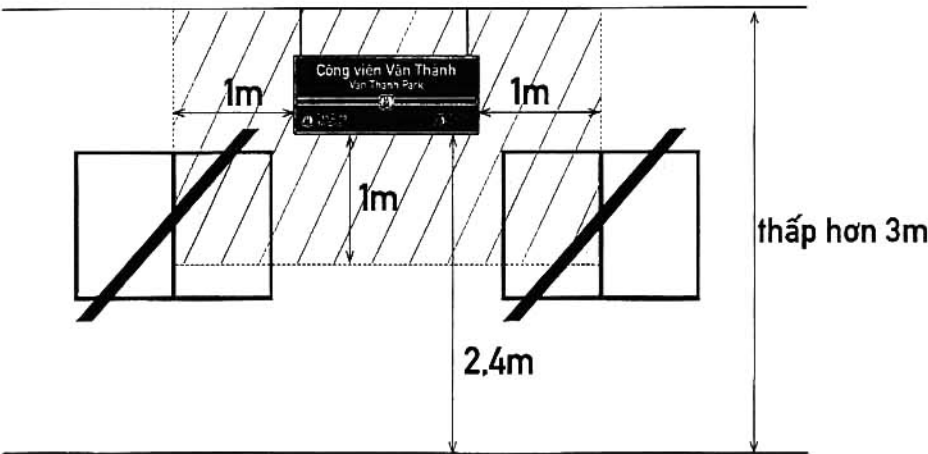
Hướng dẫn bố trí, lắp đặt biển quảng cáo

C.1 Trên ke ga

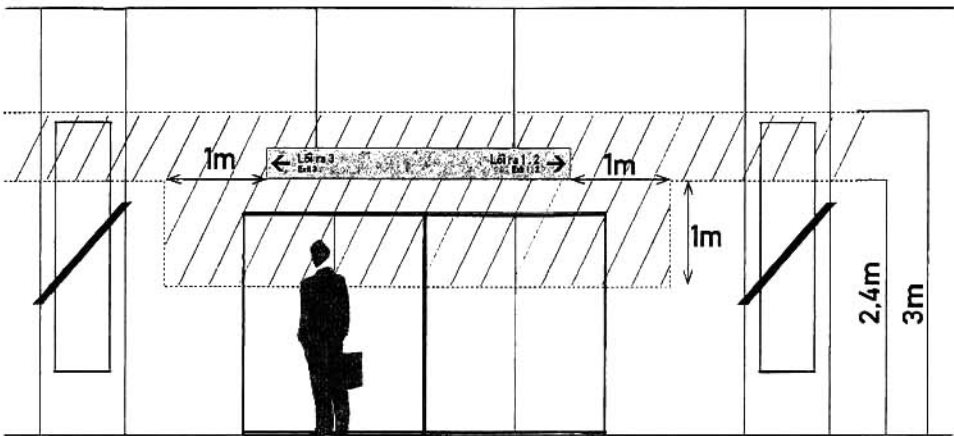


C.2 Khu vực hạn chế

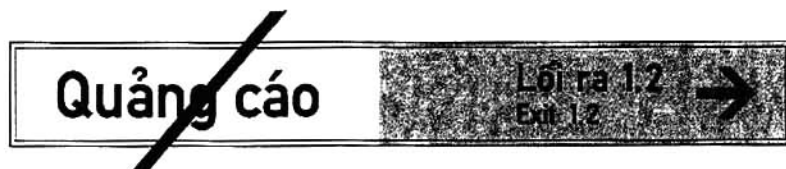
Nằm trong khoảng cách xa các biển báo khác khoảng 1m và nằm ở độ cao từ 2.4m đến 3m so với mặt bằng:



C.3 Khu vực lối ra



C.4 Các trường hợp cấm chèn quảng cáo:



Phụ lục D:

(Quy định)

Thuật ngữ

Nội dung	Tiếng Việt	Tiếng Anh
Thông tin cơ bản	Đường sắt XXXX/Tuyến XXXX	XXXX Rail/ Line XXXX
	Đường sắt đô thị	Mass Rapid Transit (MRT)
	Tuyến X	Line X
Thành phần của ga tàu điện	Lối vào	Entrance
	Lối ra	Exit
	Cấm ra	No Exit
	Cổng soát vé	Passenger Gates
	Cửa XXXX	XXXX Gate
	Cấm vào	No Entry
	Chuyển sang Tuyến XXXX	Transfer to XXXX Line
	Ke ga	Platform
	Sảnh chờ	Concourse
	Đi XXXX	For XXXX
	Văn phòng nhà ga	Station Office
Tiện ích giao thông	Trạm xe buýt/xe buýt	Bus Stop/Bus
	Khu vực lên xe buýt	Bus Boarding Area
	Bến xe buýt	Bus Terminal
	Điểm đón taxi/taxi	Taxi Stop/Taxi
	Cho thuê ô tô	Rent-a-car
	Khu vực đỗ xe	Parking Area
Tiện ích an toàn và an ninh	Sơ cứu	First Aid
	Hành lý thất lạc	Lost & Found
	Cảnh sát	Police Box/Police
	Bình chữa cháy	Fire extinguisher
	Vòi chữa cháy	Fire hydrant/Fire plug

Nội dung	Tiếng Việt	Tiếng Anh
	Báo động cháy	Fire Alarm
	Cửa thoát hiểm	Emergency Exit
	AED (Máy khử rung tự động)	AED (Automated External Defibrillator)
Vé, Giá vé, Thời gian biểu v.v...	Vé	Tickets
	Máy bán vé	Ticket Vending Machine
	Vé dài hạn	Season Tickets
	Phút	Minutes
	Các ngày trong tuần	Weekdays
	Ngày lễ	Holidays
Tiện ích thương mại	Phòng chờ	Waiting Room
	Đổi tiền	Money Exchange
	Bưu điện	Post Office
	Khu vực giữ hành lý	Baggage Storage
	Tủ chứa đồ	Lockers
	Điện thoại	Telephones
	Nhà hàng	Restaurant
	Quầy cà phê	Café/Cafeteria
	ATM	ATM
Tiện ích dịch vụ hành khách	Quầy vé	Ticket Counter
	Điều chỉnh vé	Fare Adjustment
	Thang bộ	Stairs
	Dốc	Ramp
	Thang máy	Elevator
	Thang cuốn	Escalator
	Nhà vệ sinh	Toilets
	Nam	Men
	Nữ	Women
	Dành cho người khuyết tật	For disabled
	Thông tin	Information
	Hỏi & Đáp	Question & Answer
	Liên lạc nội bộ	Intercom

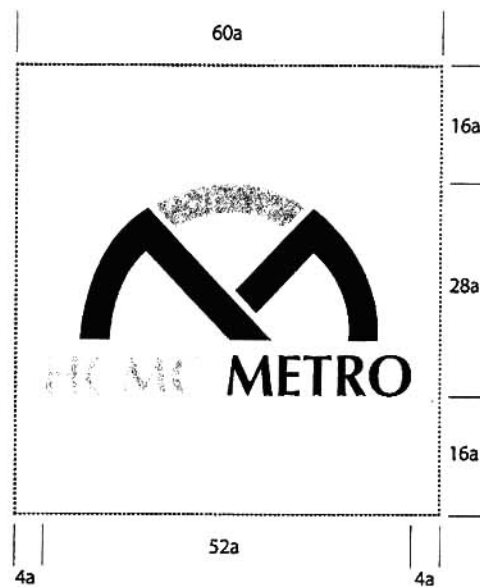
Phụ lục E:

(Quy định)

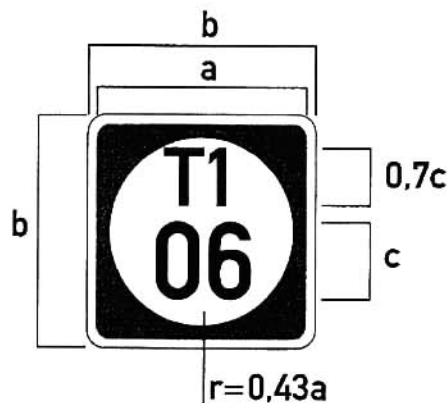
Kích thước và bố cục biển chỉ dẫn

E.1 Kích thước hình học và bố cục đối với các biển chỉ dẫn khu vực ngoài ga

E.1.1 Biểu tượng Đường sắt đô thị:



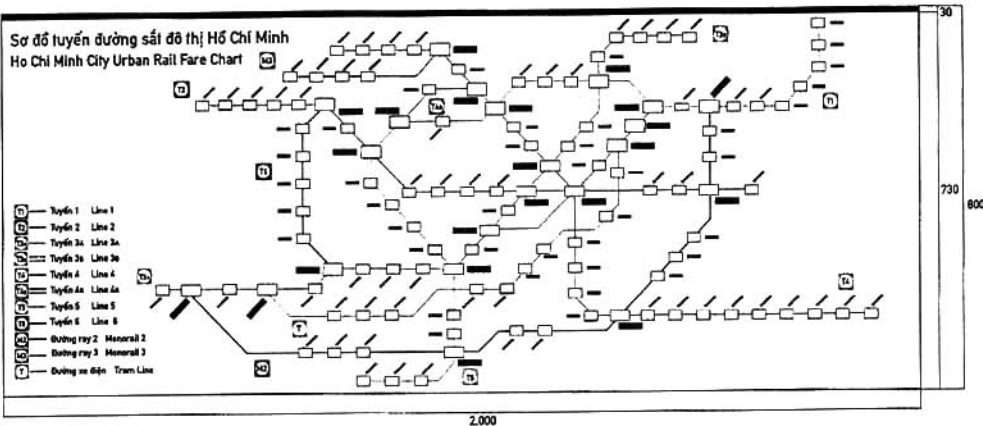
E.1.2 Biển chỉ dẫn ký hiệu tuyến và ga



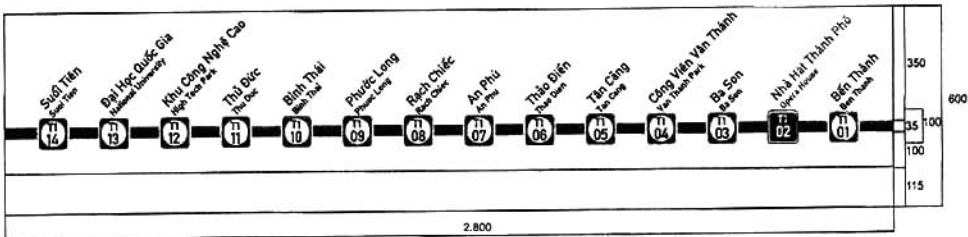
E.2 Kích thước hình học và bố cục đối với các biển chỉ dẫn tại khu vực trước sảnh chờ soát vé trong ga:

E.2.1 Biển chỉ dẫn sơ đồ mạng lưới đường sắt đô thị thể hiện giá vé tại từng ga

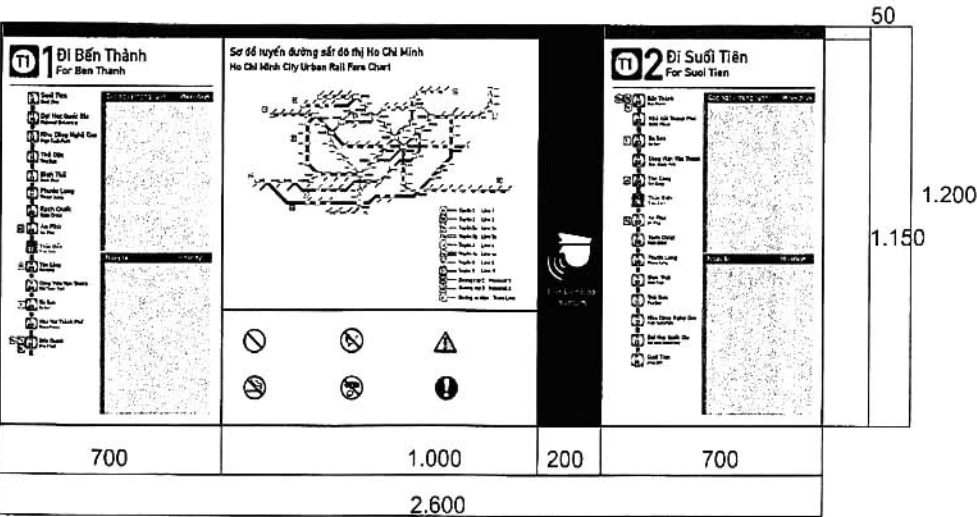
a) Sơ đồ giản tuyến



b) Sơ đồ giản tuyến kết hợp giá vé tại từng ga



c) Bản đồ hệ thống tổng thể

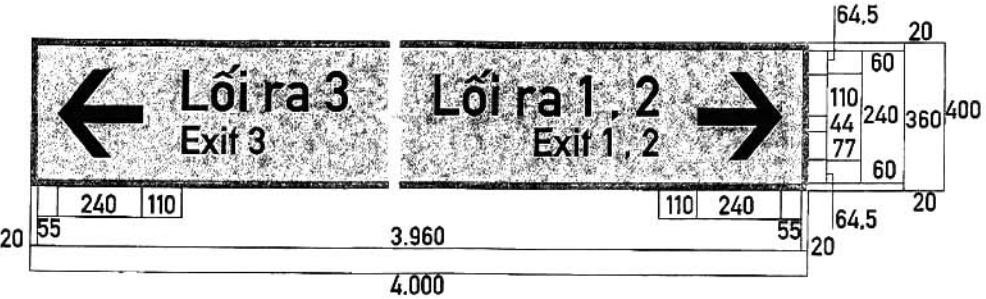


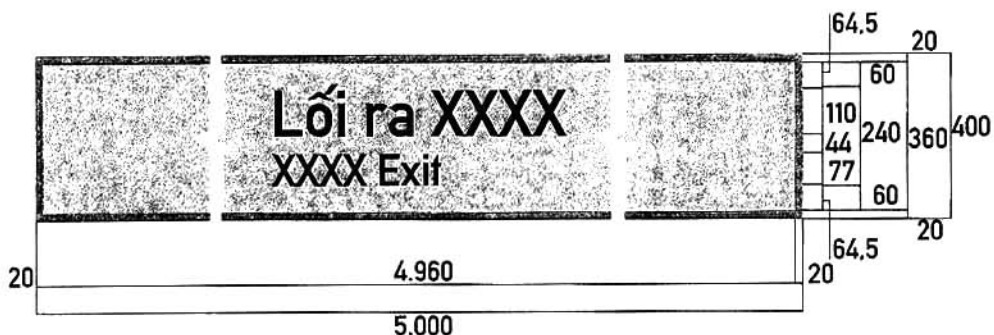
E.2.2 Biển chỉ dẫn đến chỗ bán vé và nơi soát vé



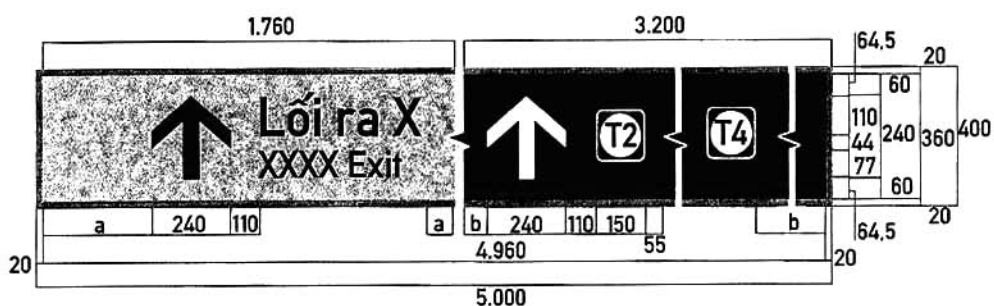
E.2.3 Biển chỉ dẫn lối ra:

a) Biển chỉ dẫn lối ra kiểu gắn trần

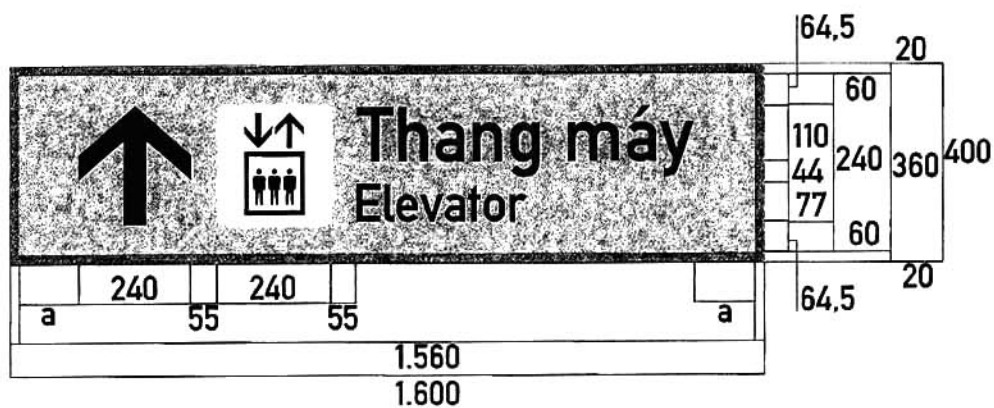


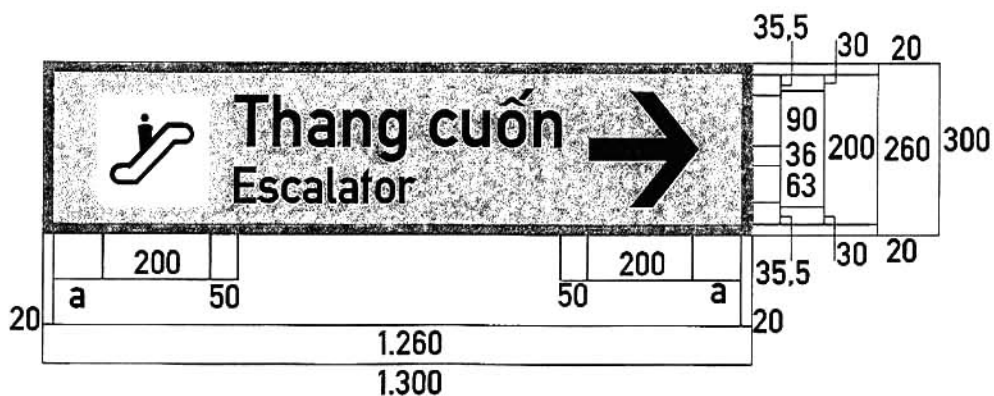


b) Biển chỉ dẫn kết hợp chuyển tiếp ke ga kiểu gắn trần

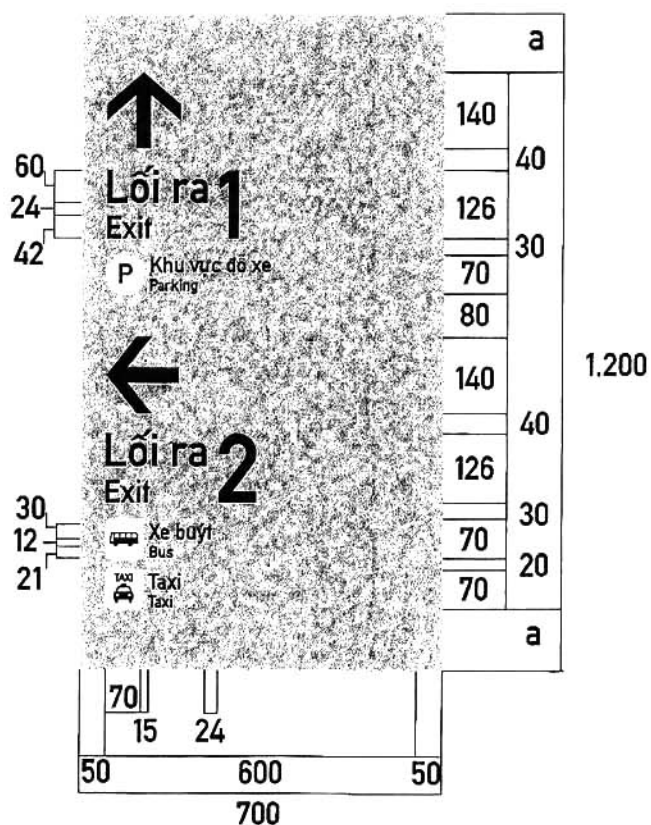


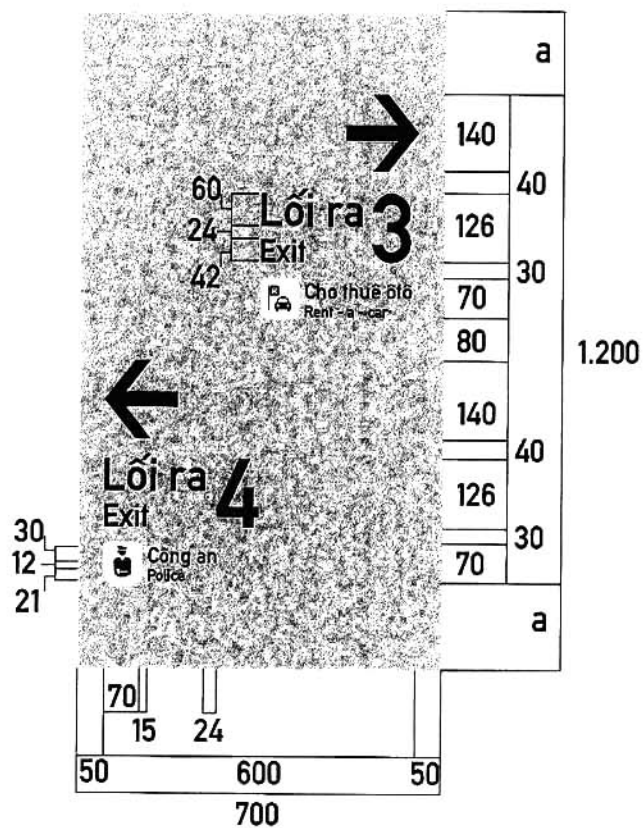
c) Biển chỉ dẫn thang máy, thang bộ, thang cuốn kiểu gắn trần

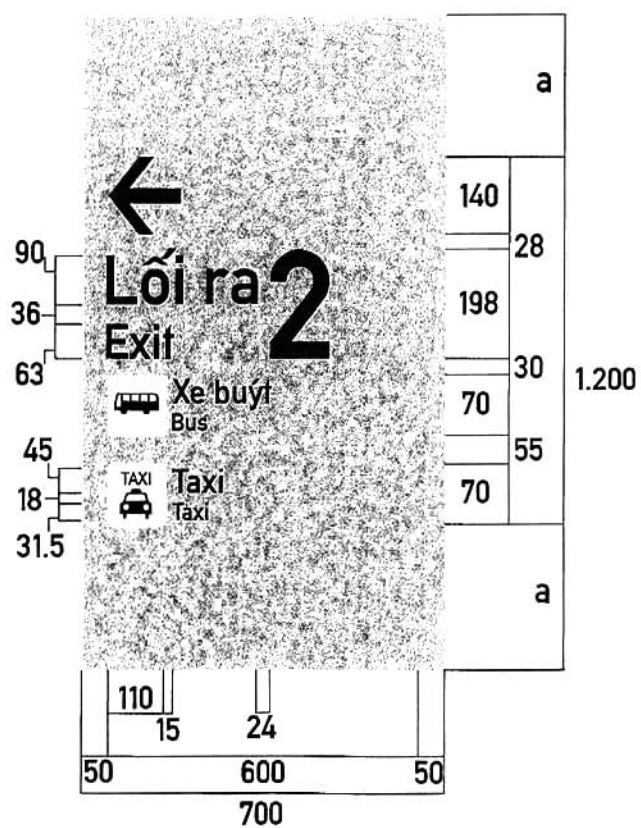




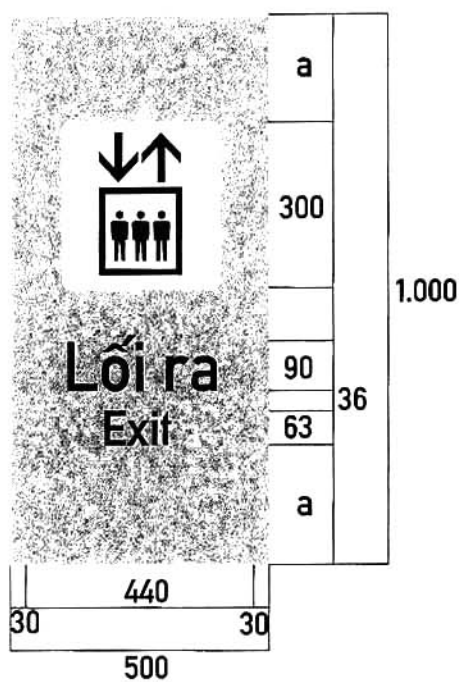
d) Biển chỉ dẫn kết hợp tiện ích kiểu gắn tường:



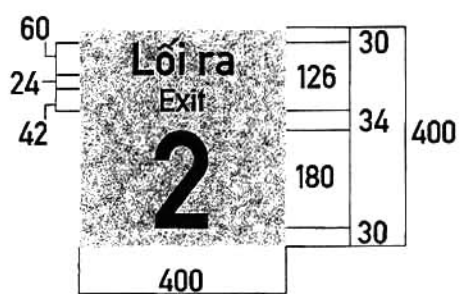




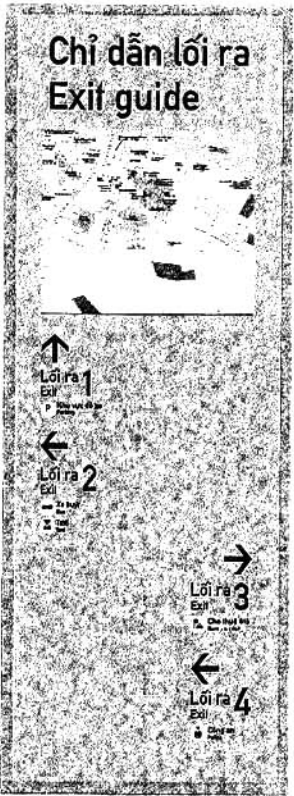
e) Biển chỉ dẫn kết hợp chỉ dẫn thang máy kiểu gắn tường



f) Biển chỉ dẫn kiểu tay vươn

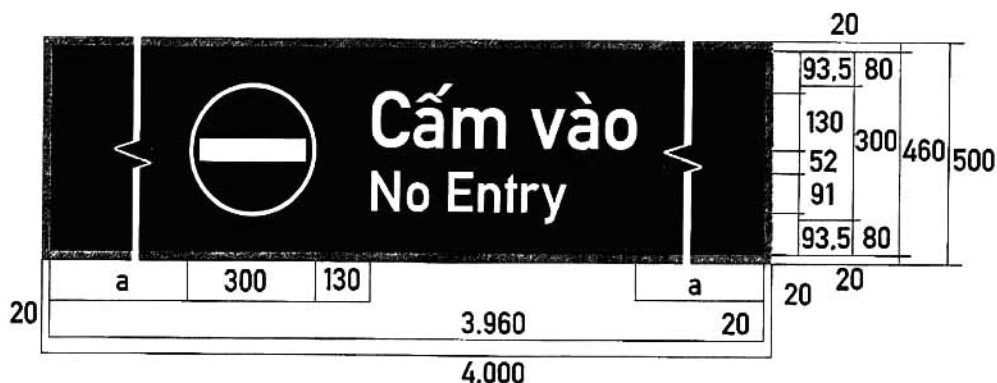
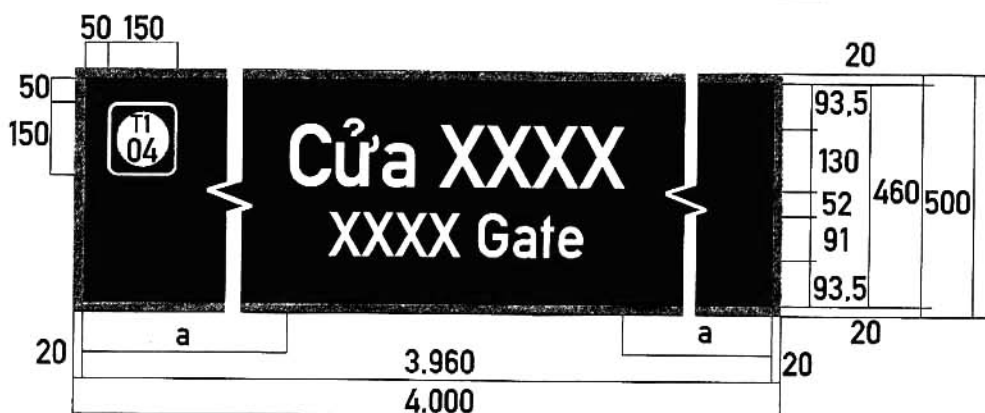
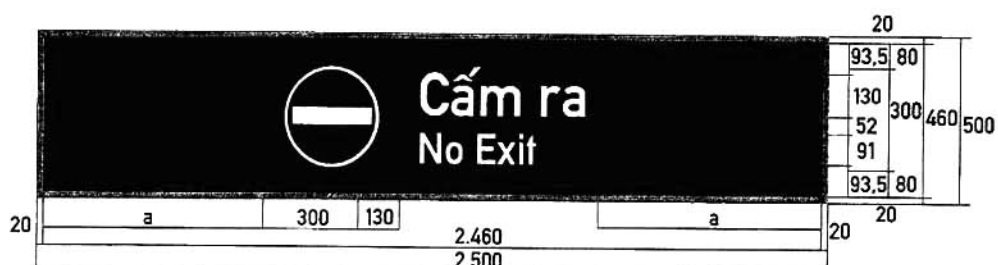


g) Biển chỉ dẫn kết hợp với Sơ đồ kiểu đứng độc lập



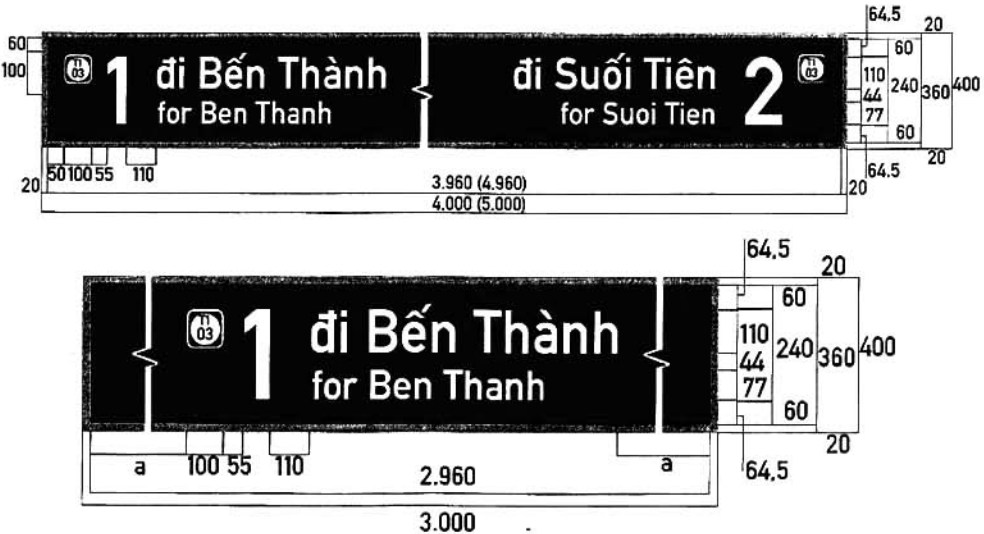
E.3 Kích thước hình học và bố cục đối với các biển chỉ dẫn tại khu vực soát vé



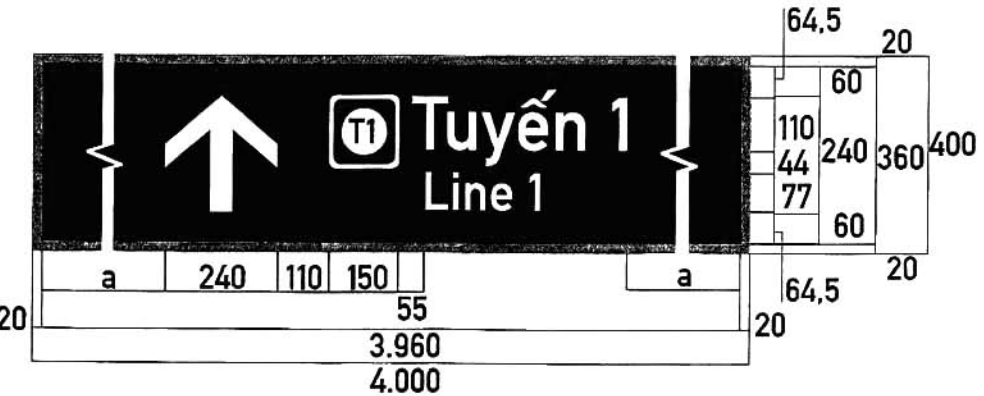


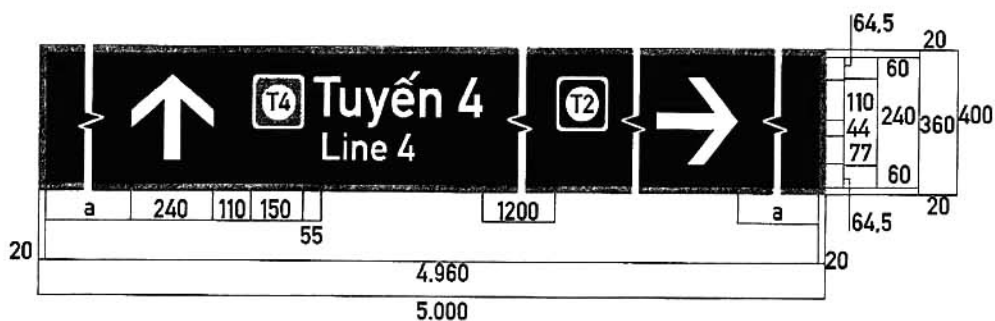
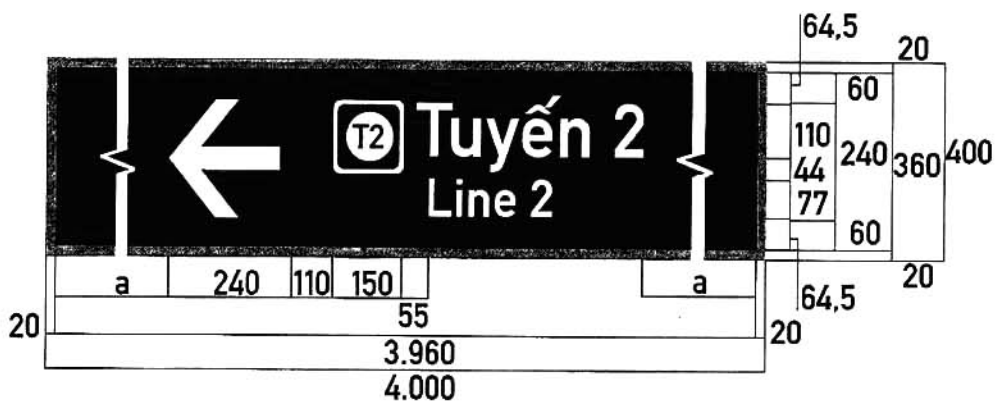
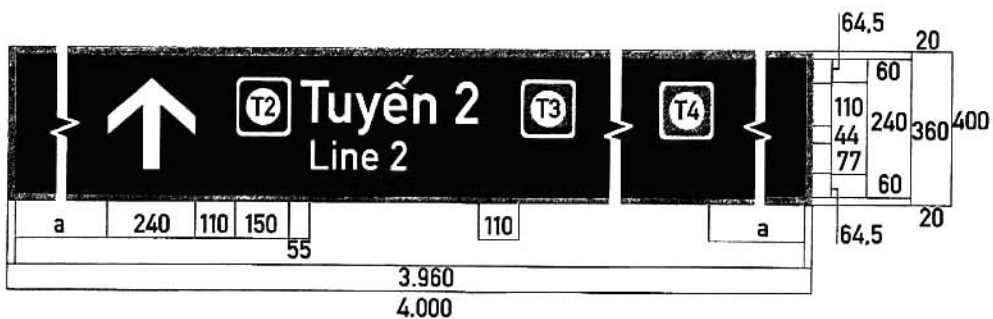
E.4 Kích thước hình học và bố cục đối với các biển chỉ dẫn tại khu vực sau sảnh chờ soát vé trong ga

E.4.1 Biển chỉ dẫn đến ke ga

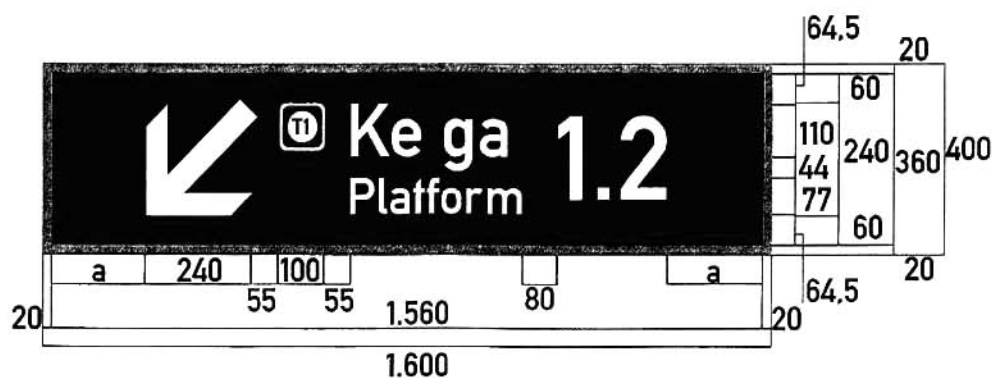


E.4.2 Biển chỉ dẫn đến ga chuyển tiếp

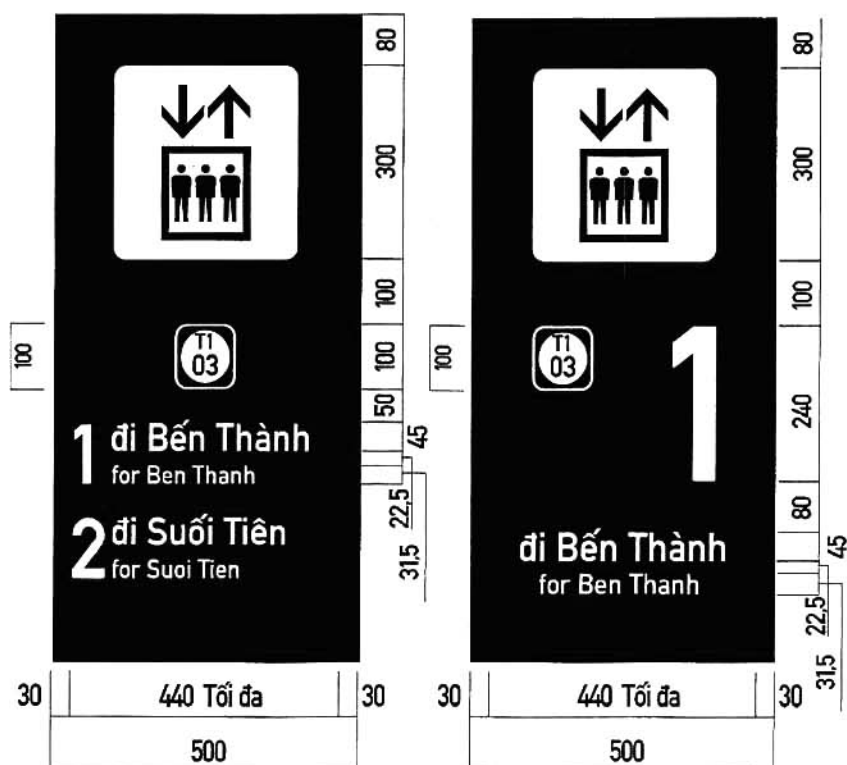




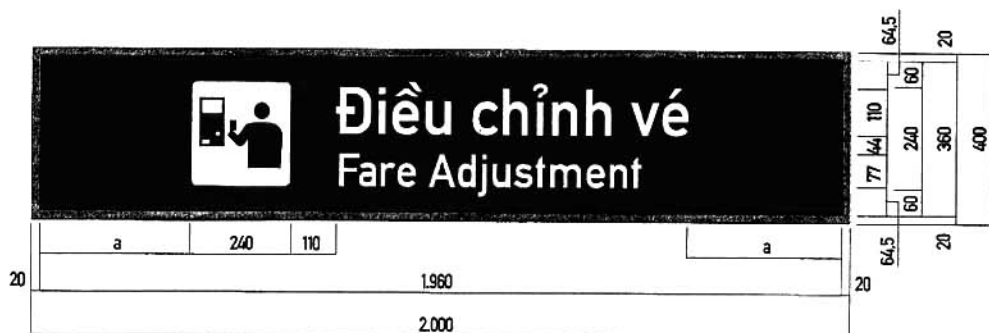
E.4.3 Biển chỉ dẫn tên ke ga



E.4.4 Biển chỉ dẫn đến cầu thang bộ, thang máy, thang cuốn



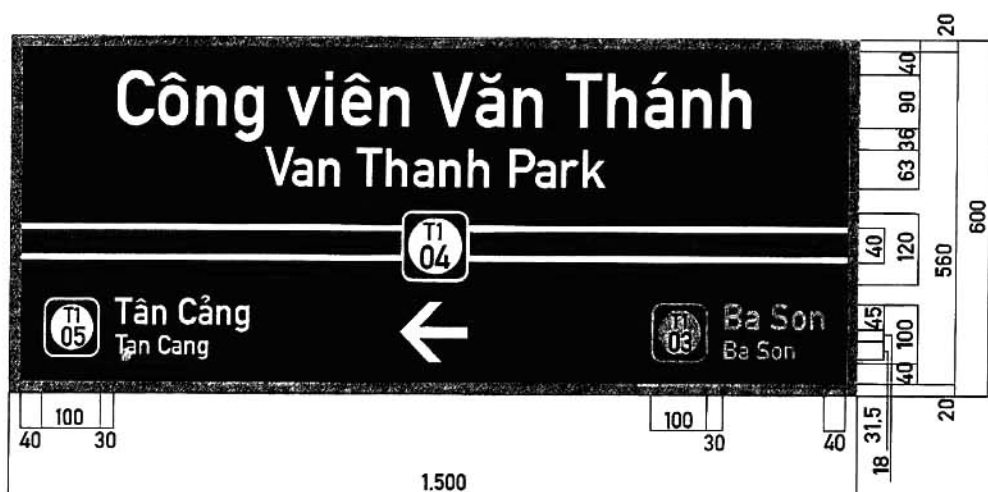
E.4.5 Biển chỉ dẫn đến nơi điều chỉnh vé



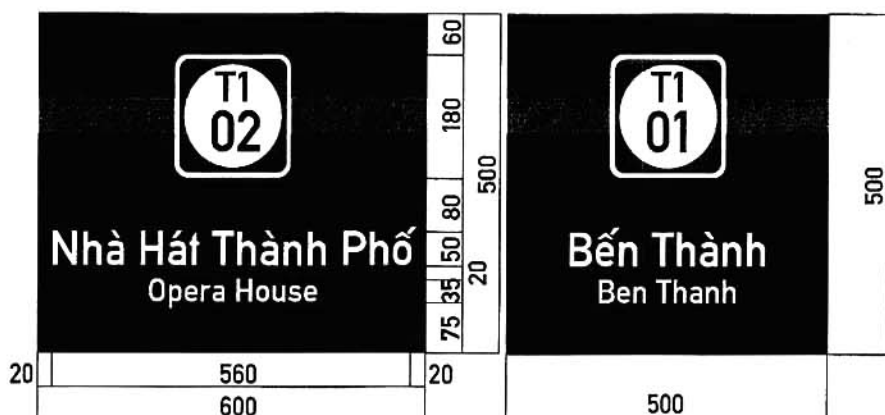
E.5 Kích thước hình học và bố cục đối với các biển chỉ dẫn tại khu vực ke ga

E.6.1 Biển chỉ dẫn tên ga:

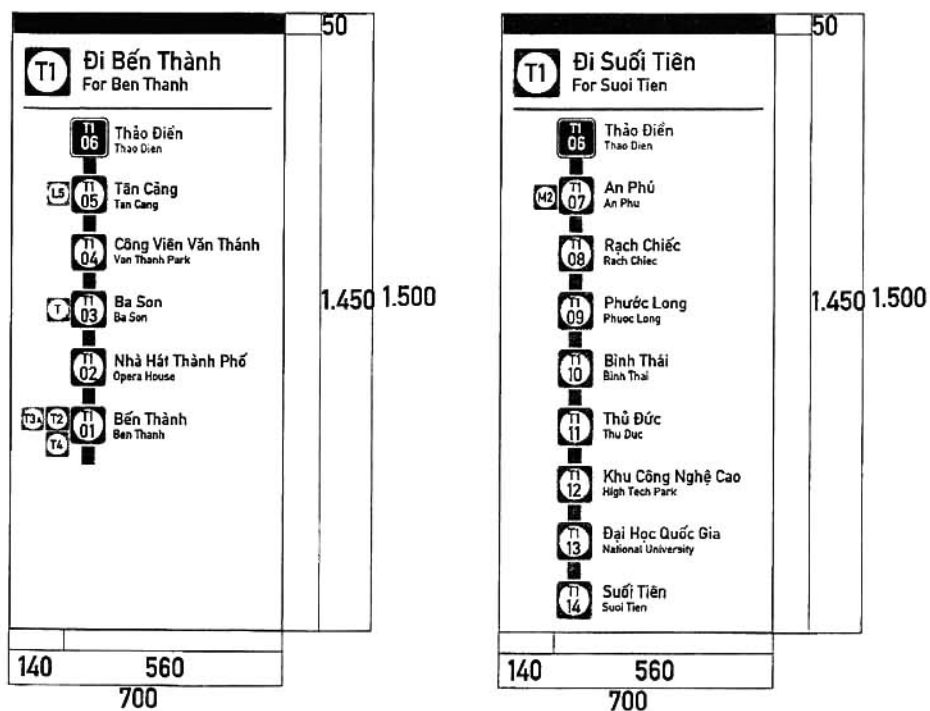
E.5.1.1 Biển đặt tại ke ga



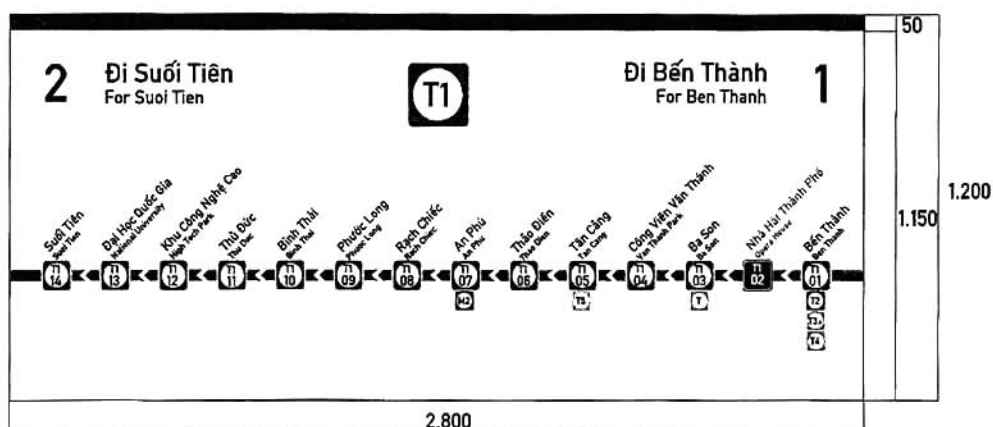
E.5.1.2 Biển đặt vị trí bên kia của ke ga



E.5.2 Biển chỉ dẫn hướng tàu chạy



E.5.3 Biển chỉ dẫn giản đồ tuyến đường sắt cụ thể



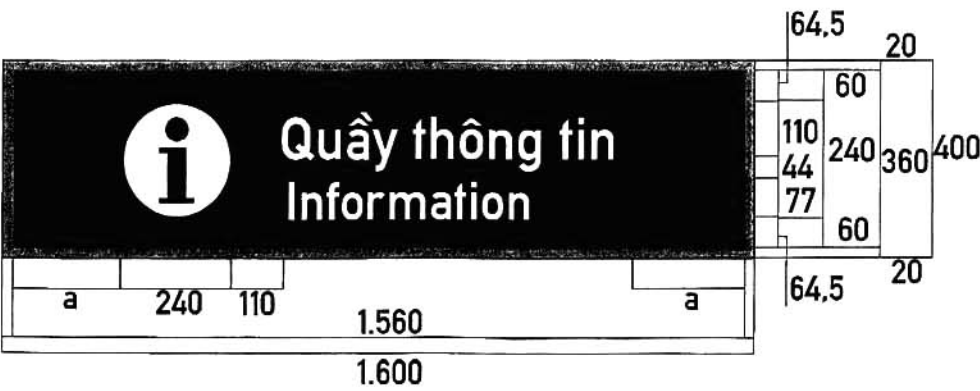
E.6 Kích thước hình học và bố cục đối với các biển chỉ dẫn trên tàu

E.7 Kích thước hình học và bố cục đối với các biển chỉ thông tin tiện ích

E.7.1 Biển chỉ dẫn khu vệ sinh;



E.7.2 Biển chỉ dẫn thông tin



E.7.3 Biển chỉ dẫn nơi sơ cứu



E.7.4 Biển chỉ dẫn nơi tìm hành lý thất lạc;



Phụ lục G

(Quy định)

Phân loại biển chỉ dẫn theo cấp ưu tiên của thông tin

Cấp 1: dùng để chỉ ra thông tin định hướng và vị trí có liên quan đến các tiện ích và thiết bị cơ bản. Biển chỉ dẫn cấp ưu tiên cao nhất là những biển chỉ dẫn có thông tin cần thiết tối thiểu để hành khách di chuyển nhanh chóng và tiện lợi xuyên suốt các ga. Những biển chỉ dẫn này là loại được chiếu sáng và được lắp ở vị trí cao để có thể nhìn thấy từ xa.

Cấp 2: dùng để cung cấp nhận dạng và thông tin cần thiết để hướng dẫn hành khách, như là các biển chỉ dẫn tên ga trên cửa ke ga loại cao và biểu đồ bảng giá vé phía trên máy bán vé.

Cấp 3: dùng để cung cấp thông tin cho các hành khách, như là bảng thời gian tàu.

Cấp 4: dùng để cung cấp thông tin chỉ hướng khác để hướng dẫn hành khách biển báo nào ít quan trọng hơn các biển chỉ dẫn nằm ở mục ưu tiên số 1.

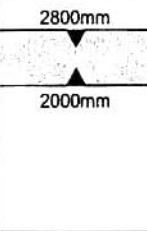
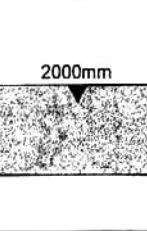
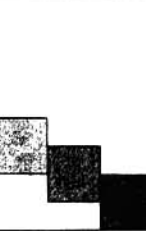
Cấp 5: dùng để cung cấp thông tin chi tiết cách sử dụng thiết bị, như là máy bán vé, lan can và thiết bị vệ sinh.

Chiếu sáng: Biển chỉ dẫn có chiếu sáng sẽ được thiết kế để nhìn thấy được dưới mọi điều kiện thời tiết cả ngày lẫn đêm.

Độ sáng của bề mặt và độ phản chiếu các mặt xung quanh, biển chỉ dẫn cần hài hòa với nền đèn các bề mặt xung quanh.

Biển chỉ dẫn cấp 1 là loại được chiếu sáng, biển chỉ dẫn cấp 2 là loại không được chiếu sáng nếu mức độ sáng xung quanh biển chỉ dẫn là 300 lux hoặc hơn. Trường hợp độ sáng không đạt 300 lux thì biển chỉ dẫn cấp 2 cần được chiếu sáng.

Quy định chung của việc phân loại biển chỉ dẫn

Cấp ưu tiên	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5
Chức năng	Địa điểm & chỉ hướng chính	Địa điểm Thông tin	Thông tin	Thông tin & chỉ hướng khác	Thông tin chi tiết
Tầm nhìn	Xa	Trung bình		Gần	Cực kỳ gần
Vị trí lắp đặt					
Loại chiếu sáng					
Loại biển báo	Gắn trần, cờ hiệu	Gắn tường	Đứng độc lập, gắn tường	Gắn tường	Lan can, nút nhấn v.v.

Thư mục tài liệu tham khảo

- [1] London subway signs manual – Issue 4 – October 2002;
- [2] Manual on Uniform Traffic Control Devices (Edition 2009)
- [3] Sổ tay hướng dẫn biển báo đường sắt đô thị thành phố Hồ Chí Minh – Bản 1.0 ngày 24/09/2015
- [4] ASTM E2072-00: Standard Specification for Photoluminescent (Phosphorescent) Safety Markings - Tiêu chuẩn kỹ thuật cho các dấu hiệu phát quang an toàn (Phosphorescent)